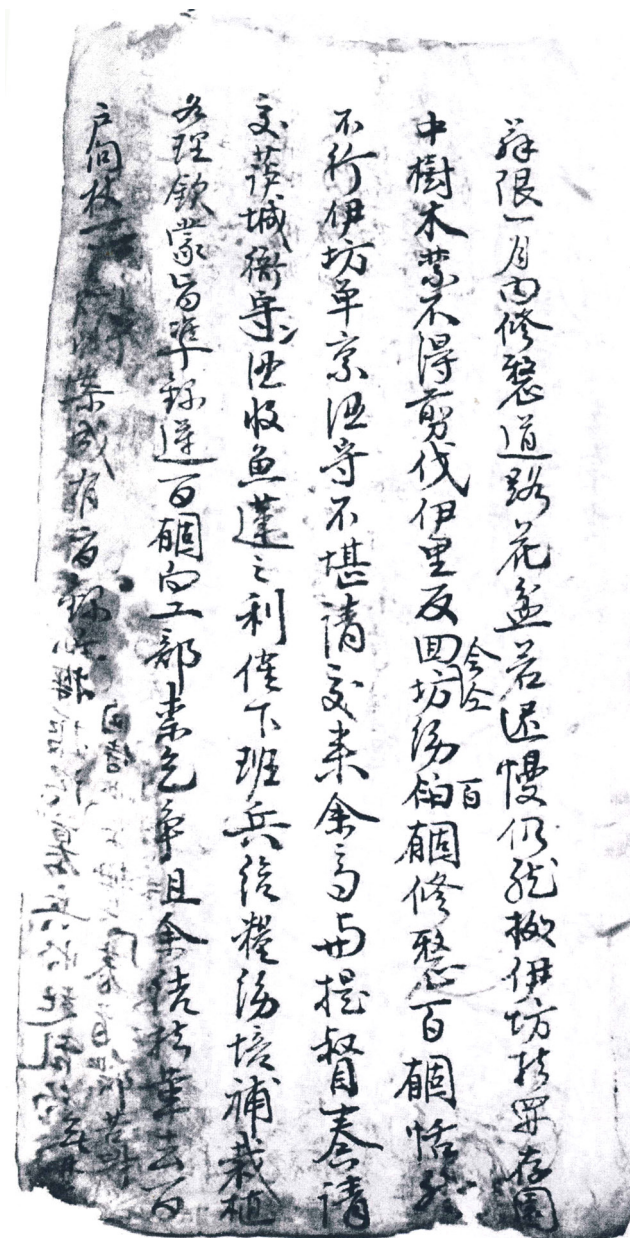


# LẠC VIÊN TIỂU SỬ

## Quyển 4



Trang 1, quyển 4, Lạc Viên tiểu sử.

[Thời gian bắt đầu từ năm Khải Định thứ 5 (1920). Lúc này Tôn Thất Đàn làm Tham tri Bộ Binh].

[1] [Trang đầu quyển 4 bị mất, dòng trong ngoặc dưới đây bổ sung theo bản lược dịch của Phan Đăng Tài] (Vườn Tịnh Tâm bị phá hoại nặng, tôi chiếu theo lệ cũ đề nghị giao cho phường Trung Hậu<sup>(1)</sup> chăm sóc cây cối, sửa sang bồn hoa, lối đi). Hạn nội trong một tháng phải chỉnh tu đường sá, bồn hoa, nếu chậm trễ thì quy tội cho phường. Còn cây cối trong vườn thì không được chặt phá. Viên Lý trưởng ấy trở về hội đồng với phường súc bá hộ Có sửa chữa. Bá Hộ diêm nhiên chẳng làm. Phường ấy làm đơn bẩm không kham nhận giữ, xin giao lại. Tôi bàn với Đề đốc dâng tấu xin giao cho Nha Hộ Thành nhận giữ, thu lấy hoa lợi cá và sen, thuê lính xuống phiên<sup>(2)</sup> cấp lương thực cho họ bồi đắp, trồng cây. Đã được ban chỉ chuẩn y. Bá hộ Có bẩm lên Bộ Công xin giành lại. Tôi đề nghị cách chức bá hộ, đánh trượng 100 đòn. Án định xong được chỉ chuẩn y.

[2] Tôi được giao đích thân kiểm soát nghi vệ đại giá, dặn rằng hễ vệ đội nào ẩn giấu binh đinh thì phải tham hặc, không được nể tình.

<sup>1</sup> Từ năm Duy Tân thứ 3 (1909), Kinh Thành Huế gồm 10 phường: Thái Trạch, Vĩnh An, Trung Tích, Phú Nhơn, Trung Hậu, Tây Linh, Tây Lộc, Tri Vụ, Thuận Cát và Huệ An. *Thực lục Đế lục kỷ phụ biên*, Sdd, tr. 530.

<sup>2</sup> Hạ ban binh: lính hết phiên làm việc thì gọi là hạ ban binh.

Sau khi kiểm, tôi thấy lính hầu thiếu 15 tên, phát giác là viên Phó đội Nguyễn Lai lo việc kiểm thủ lính ở Binh Bộ Đường đã bán trộm [Nguyên văn “đạo mại”], liền thảo phỉến tham hặc. Phó đội Lai đã hối lộ xin Đoàn công<sup>(3)</sup> lưu giữ tờ phỉến ấy chậm lại, không phê chữ. Tôi nói rằng: “Đại nhân đã huấn thị dặn dò tiểu nhân nắm giữ lễ công để bảo tồn cựu chế. Tôi là á khanh<sup>(4)</sup> mà xuống làm việc của thuộc viên cũng không chối từ. Nay tôi phát giác rõ ràng, đại nhân lại chậm trễ hồi báo, thì làm sao ăn nói được.” Sau đó có truyền bảo rằng tôi không tuân lệnh [3]. Đoàn công ngầm thi hành mưu kế giảo quyết dặn thủ hạ dò tin nói rằng: Các lính tập cũ sắp khởi loạn, hẹn ngày Nam Giao đại lễ sẽ đến Giao đàn cướp bóc, xâm phạm đẳng chí tôn, phải nên phòng bị trước. Hoàng đế hầu như không tin. Ngày 28 tháng Chạp đã phụng sắc hỏi thị vệ là bọn Lê Nữ vào dịp xuân thủ được thăng trật, nhưng đến nay vẫn chưa cấp lục chỉ. Đoàn công bảo tôi sức cho thuộc viên viết phỉếu. Tôi bảo rằng khó nghĩ ra lời. Đoàn công bảo ghi rõ ràng: “Vì lễ quý Khâm sứ đã xóa tên, nên bề tôi ở bộ vừa mới bàn lại cho được thỏa hợp để cấp”. Tôi thưa: “Ngài trước đây đã gặp mặt trình lên vâng lời truyền, còn tôi không can dự, nay xin miễn cho tôi dự vào”. Đoàn công lại bảo tôi cứ một mình dâng lên. Trên mặt phỉến được vua châu phê: “Trẫm là vua một nước, ban cho lính Ngự lâm được thăng trật đặc cách, làm sao phương hại. Quý Khâm sứ không nghĩ đến thể diện của trẫm. Đoàn khanh cũng ý thể của Khâm sứ mà lấn áp trẫm sao, thực là vô đạo. Hãy lập tức tuân cấp”. Đoàn công ủy viên Lang trung đem các đạo lục chỉ giao cho thân binh cấp. Tôi trình Đoàn công rằng: “Quân tử xử thế cần phải biết rõ thời cơ. Trên mặt phỉến được kính châu phê [4] hai chữ “vô đạo”. Tình trạng khẩn thiết như thế tưởng không xong, đại nhân nên tự liệu đi”. Đoàn công lại làm phỉến tâu rõ lên. Tôi nói: “Càng tâu thì càng sai, vua thêm giận”. Đoàn công bảo: “Tôi chưa chịu hưu, Lê Bá<sup>(5)</sup> phải về trước, tôi mới về”. Tôi không nói lại lời gì.

Ngày tháng 2 năm Khải Định thứ 5 [1920], cử hành lễ đại tự.<sup>(6)</sup> Đoàn công đã mật bàn, mật tấu về việc phô trương. Ngày kế đó, ngự giá tạm trú ở Trai Cung. Đoàn công sức viên binh chia đoạn phòng chặn để giới nghiêm, ủy phái thuộc viên hai bộ Binh, Công chia đi kiểm tra, đốc thúc. Tôi biết là giả trá không chịu đi cùng, chỉ trực ở Trai Cung đợi lo việc. Tôi được kính sung vào bưng bê rượu ở án giữa Viên Đàn. Đến sáng không có tình trạng khác lạ. Lễ thành, ngự giá trở về. Đoàn công nghiêm sắc mặt nói rằng: “Nhờ đã bố trí tốt nên được yên tĩnh ổn thỏa”. Nhưng thánh ý không truy lỗi. Đoàn công chạy vạy dặn dò gởi lời, có tài ứng biến. Tại triều không ai hơn. Dần tới lễ Hưng quốc khánh niệm,<sup>(7)</sup> Đoàn công lại phao ngôn về việc khủng bố, dặn nội quan tâu kín xin ngự giá vào ra để phòng cẩn thận, xe ngự ra cửa Quảng Đức, thì nên vào cửa Thê Nhơn, để cho gian đảng không dò xét được. Quản lý Nguyễn Hữu Chứng

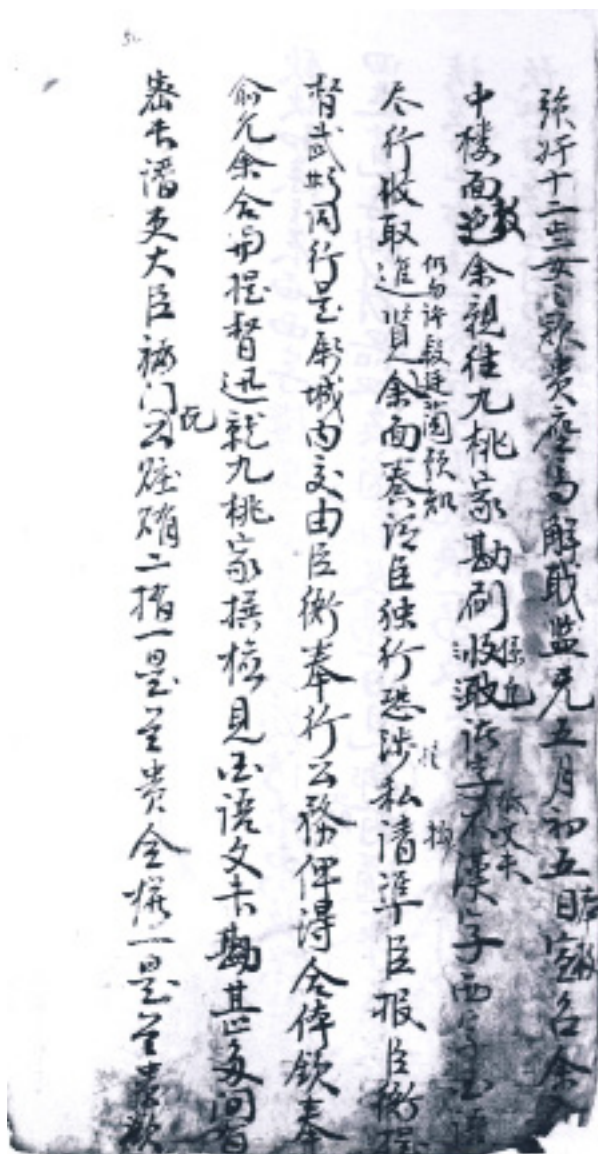
<sup>3</sup> Túc Thượng thư Bộ Công Đoàn Đình Duyệt.

<sup>4</sup> Á khanh: Quan khanh thứ nhì trong bộ, tức là Tham tri.

<sup>5</sup> Đây có lẽ là Lê Văn Bá, lúc này đang giữ chức Thống chế kiêm quản Thị vệ, về sau làm Tiền quân Đô thống.

<sup>6</sup> Túc lễ tế Nam Giao.

<sup>7</sup> Túc lễ Quốc khánh của nhà Nguyễn, ngày mồng 2 tháng 5 âm lịch, do vua Khải Định khởi xướng.



Trang 5, quyển 4, Tôn Thất Đản được vua Khải Định giao điều tra vụ án Đoàn Đình Duyệt.

tin lời dối trá này nên rất ca ngợi. Đến khi công chúa Ngọc Lâm<sup>(8)</sup> nhận được một phong thư chuyển lên ngự lâm, thánh ý đã ngạc nhiên sắc đem đến bàn với quý Tòa, chuẩn bị phái người thăm dò. Quý Khâm sứ Bát-Kê<sup>(9)</sup> bàn kín nói rằng: “Việc này chỉ là mưu gian nguy tạo để tâng công, xin chớ lo ngại”. Hoàng đế càng nghi ngờ Đoàn công. Gặp khi viên thư ký của Đoàn công tên là Cửu Đào<sup>(10)</sup> [5] cưỡng dâm con gái 12 tuổi, quý Tòa đã bàn cách chức giam cứu.

Ngày mùng 5 tháng 5 vua triệu tôi vào lầu Kiến Trung sắc rằng: “Đích thân đến khám xét nhà Cửu Đào, phạm các giấy tờ, văn thư chữ Hán, chữ Tây, chữ Quốc ngữ đều thu hết dâng lên xem, nhưng không để cho Đoàn Đình Duyệt được biết”. Tôi tâu rằng: “Thần đi một mình sợ cho là riêng tư, xin chuẩn cho thần báo với bề tôi ở nhà là Đề đốc Võ Bân cùng đi. Việc này xảy ra trong thành, xin giao cho bề tôi ở nhà phụng hành công vụ cho được hợp thể”. Kính được chuẩn thuận. Tôi bèn cùng với Đề đốc đến nhà Cửu Đào soạn kiểm, thấy rất nhiều văn thư chữ Quốc ngữ, trong đó có hai bản mật thư cáo giác đại thần Bộ Lại là Phước Môn Nguyễn công

[Nguyễn Hữu Bài] ăn hối lộ, một là trình lên quý Toàn quyền, một là trình lên quý Khâm sứ [6] lúc vừa mới đến và các thư từ bằng chữ Tây, chữ Hán

<sup>8</sup> Công chúa Ngọc Lâm tên thật là Nguyễn Phúc Hỷ Duyệt, là con gái đầu của vua Đồng Khánh và bà Tiệp dư Hồ Thị Quy. Bà là chị của Hoàng tử Nguyễn Phúc Tuấn tức vua Khải Định.

<sup>9</sup> Tức Pierre Marie Antonie Pasquier, giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ lần đầu từ 5/5/1921 đến 21/1/1924, lần thứ hai từ 28/9/1924 đến 4/10/1926, về sau làm Toàn quyền Đông Dương (1928-1934).

<sup>10</sup> Theo Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỷ*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 2012, tr. 337 (sau đây gọi tắt là *Thực lục Đệ thất kỷ*) thì người này tên là Phan Như Đào, can án thông gian bị giam ở nhà ngục phủ Thừa Thiên.

giao thiệp với các quan thương chánh của Tây. Chúng tôi đã thu lấy, gói lại đem về dâng lên xem. Còn tiền tài của cải thì không hề động đến. Cách một ngày thì thấy Ngự tiền Thông sự Thái Văn Toản đến nói rằng: “Hoàng đế nhận một thư mật, nghi là do Cửu Đào viết ra, sắc cho quan lớn thân hành khám xét, chớ để cho cụ Đoàn biết. Nay kiểm trong gói không có bản thảo tờ thư đó. Nghe hôm qua quan lớn đã báo trước cho cụ Đoàn, nên cụ Đoàn đã đến trước cất giấu. Sắc cho đến hỏi quả có thế chăng?”. Tôi nói rằng: “Vừa mới nói qua, tôi đã biết là mệnh vua, làm sao ngu đến thế, chỉ không biết bản thảo lá thư này vì sao mà không thấy. Tôi xin vào hầu để tâu rõ ràng”. Ngự tiền Thái nói rằng [7]: “Phải tâu rõ ràng, mới khỏi bị khiển trách”. Ba giờ chiều tôi vào tâu. Hoàng đế nói rằng: “Trẫm nghe lời này đã lấy làm tin, duy sắc hỏi để giải hết nghi ngờ vậy, khanh thận trọng đừng lo sợ, trẫm vừa nghe Cửu Đào còn có một giá văn thư đặt tại ty Bộ Công, tiếc là đã không kiểm soát đồng thời. Nay hãy hỏi kín cái giá ấy có còn nguyên vẹn không”. Tôi tuân theo trở về hỏi kín thì biết rằng: Lần ấy Đoàn công nghe tin Nha Hộ Thành đến soát nhà Cửu Đào, ban đêm liền sai đem cái giá ấy vào bộ đường mở ra lấy hết giấy tờ đem đốt khá nhiều. Nguyên trước nơi ấy là Giao thiệp mật phòng, nay đã đổi ra là Họa đồ phòng. Tôi vào tâu, được sắc hãy đem đầu đuôi sự tình viết ra tờ phiến Quốc ngữ tâu lên. Tôi bèn tuân hành [8]. Cách một ngày nhận được thư của quý Khâm sứ triệu tôi và quan Đề đốc đến Tòa thương nghị. Tôi đến, quý Khâm sứ trước hết hỏi về khoản soát thư, sau đó hỏi về khoản dời giá văn thư, đốt giấy. Tôi cứ sự thực trả lời. Quý Khâm sứ bảo mong được viết ra chữ Quốc ngữ để mật trình. Tôi trở về viết y như lời trong tờ phiến. Tòa Khâm sứ tư cho Cơ Mật Viện nói rằng: “[Ty] Liêm phóng của quý Tòa đã biết được Hoàng thượng cần xem chữ viết của Cửu Đào, nên đã sắc cho Nha Hộ Thành đến nhà Cửu Đào soát lấy, nhưng bản thảo do Cửu Đào viết phần nhiều cất giữ ở giá sách đặt tại nhà ty Bộ Công. Lần ấy quan lớn Bộ Công đã ngấm mở giá này [9] đem giấy tờ đốt đi, sự việc thật quan ngại. Mong chuyển hỏi Nha Hộ Thành xác nhận bằng văn bản”. Tờ tư của Cơ Mật Viện trong đó nói rằng: “Do Nha xét phiếu”. Tôi lược qua phiếu như lời đã trình quý Tòa. Rồi tôi xin nghỉ 5 ngày trở về nhà lo liệu việc gả con gái. Quan lớn Bộ Lại nhận được phiếu văn, triệu quan Đề đốc đến trách cứ. Đề đốc sợ hãi không trả lời được, bèn đến xin tôi lên bộ biện bạch. Tôi nói: “Việc sai lầm này là do lỗi của Viện, còn lỗi của chúng ta thì chớ lo, đợi tôi lo liệu xong việc nhà hết hạn nghỉ sẽ làm phiếu trình cũng chưa muộn”.

Việc gả con gái đã xong, tôi đem tờ tư văn lên Viện, lúc đó quan lớn Bộ Lại đã đến tại Bộ Hình, tôi trình rằng [10]: “Nha ấy đã tuân theo tư văn của quý Viện mà làm. Quý Viện tư rằng “mong xét phiếu” rành rành 3 chữ. Nên chỉ hỏi han xem xét mà thôi, chứ chưa được đòi nhân chứng”. Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Xét tờ tư bằng tiếng Tây của quý Tòa (Khâm sứ) nói rằng: Theo lệ tra xét, lấy đủ lời khai đính theo phiếu. Nay quý nha chỉ nói qua mấy dòng đã là kết cục rồi”. Tôi nói: “Nha ấy không dám làm trái vượt quá di văn, nên

chỉ làm như thế”. Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Dịch và viết lầm lạc, mà đem thuộc viên của Viện ra trị nặng, hay là bọn họ có ý che chở, cần phải dẫn đo nghiêm cẩn”. Quan lớn Bộ Hình nói: “Quan lớn hiểu rõ Pháp văn, nên cái đơn ấy quan lớn phải phê chữ trước, tôi cũng chiếu theo lời thảo chữ Hán để phê phó. Phiên dịch đúng hay không đúng, tôi chưa thể biết”. Quan lớn Bộ Lại [11] sức đòi thuộc viên của Viện đến Bộ Hình quát mắng một hồi, giảng giải ý bản văn của Tòa, rồi sức đổi tờ tư, rút tờ tư trước về tiêu hủy. Tôi nói: “Hễ rút tờ tư trước lại, thì xin giao lại tờ phiên trước đây một thể”. Sau khi nhận được tờ tư mới đổi của Viện, tôi hội đồng cùng Đề đốc phái đòi nhân chứng và cho Bộ Công sức thuộc viên và viên Suất đội kiểm thủ binh đình đến Nha Hộ Thành xét hỏi. Họ khai rằng: “Quan lớn Bộ Công sai mở giá sách của Cửu Đào, soạn lấy giấy tờ văn thư đem đi nơi khác cất giữ hoặc là đốt hủy”. Hai ba lần cật vấn, thuộc viên của bộ và viên kiểm thủ đều khai như một. Tôi nghĩ khoản can phạm của đại thần thì Nha Hộ Thành không thể tư thẳng, phải làm phiên xin văn bản phái hội đồng. Được vâng phái Hồng lô [12] tự khanh sung Ngự tiền Thông dịch là Thái Văn Toản cùng hội đồng thẩm vấn. Quan lớn Đoàn chối cãi, trả lời là không. Ngự tiền Thái đòi nhân chứng đối chất, quan lớn Đoàn cũng không chịu nhận. Ngự tiền Thái muốn hỏi đến khoản quan lớn Đoàn hối lộ. Tôi nói rằng: “Sắc chỉ và tờ thương của Tòa, tờ tư của Viện đều chỉ giao hỏi về việc dời giá sách và tiêu hủy giấy tờ, nay hỏi đến khoản riêng, sợ sinh ra rườm rà không tiện”. Ngự tiền Thái vào hầu tâu riêng được kính bác đi. Tôi vào diện tấu khoản này rằng: “Kính vâng hội chất, quan lớn Đoàn không chịu nhận, nhưng nhân chứng khai rõ, xét ra đã đủ để kết luận, xin tư giao cho Viện bàn”. Kính vâng dụ chấp thuận, và triệu Ngự tiền Thái vào bảo rõ: “Binh Bộ Tham tri [13] Tôn Thất Đàm chính thể luyện đạt, am tường văn án, hãy cùng bàn luận, chớ khá sai khác”. Ngự tiền Thái tuân dụ, tùy tôi bố trí. Tôi nói: “Ngày mai nghỉ họp một phiên, để tôi ở lại nha thự kiểm điểm hồ sơ, sức làm tờ thảo cho Cơ Mật Viện”. Ngự tiền Thái và quan Đề đốc đều thuận theo. Lúc ấy vào chiều ngày 28 tháng 5.

Các ngày 29, 30 tôi đòi nha thuộc, chỉ bày làm tờ thảo gần xong. 8 giờ 30 sáng ngày mùng 1 tháng 6, Ngự tiền Thái đến nơi trú của tôi, báo rằng: “Khoảng 2 giờ đêm [hôm nay] có một người mang một phong thư vào trú thự của quan Tiền quân gõ cửa, bà Tiền [quân] đi ra, y giao phong thư, nói rằng có việc khẩn cấp. Bà Tiền nhận. Người ấy mặt trắng mà gầy, tựa như Chủ sự Ty Cẩn Tín<sup>(11)</sup> [14], có đeo bài ngà, dây đeo màu lục, chân đi giày dừ. Bà Tiền đem thư vào. Quan Tiền quân khêu đèn đọc thư, nói rằng: Thư này đệ đến quan Ngự tiền chứ không phải cho tôi, hãy giao trả lại. Bà Tiền ra cổng thì người ấy đã ra cổng lên xe tay mà đi. Bà Tiền liền sai lính đem thư này chuyển giao. Tôi nhận xem lời ý trong thư có quan hệ việc trước, nói rằng nếu như tôi gặp được người này mà giữ lại để hỏi thì có thể phát giác các việc gần đây. Tiếc rằng người ấy đã ra khỏi thành, nên đến báo cáo để phái truy bắt”. Nói xong

<sup>11</sup> Một ty thuộc Thị Vệ Xứ, chuyên lo văn thư sổ sách, gìn giữ thu phát vật phẩm. Võ Hương An, *Từ điển nhà Nguyễn*, Nam Việt xuất bản, California, USA, 2012, tr. 82.

bền đem phong thư ấy giao cho tôi. Tôi xem thấy nói Lương Khải Việt<sup>(12)</sup> và đồ đảng hiện tụ tập tại nhà thị Ngạch ở làng Thanh Thủy<sup>(13)</sup> mưu làm bậy, xin lập tức đem lính vây bắt, hiện có súng đạn. Tôi liền cho mời quan Đề đốc [15] đến trú thự hội đồng bàn bạc, rồi tới cửa Đông Nam [tức cửa Thượng Tứ] hỏi lính giữ cửa, chúng trình rằng: “Hai giờ đêm nay khi chúng gác cửa, bỗng thấy một xe tay chạy đến trước cửa, giao một phong thư khiến đệ đến quan Ngự tiền trình nạp. Lính gác trả lời: Bồn phận tôi là gác cửa, không thể đi được, còn các lính khác thì còn ngủ trong trại, nên không người nhận đi. Người trong xe nói: Đang có việc gấp, nếu không tiện đi thì mở cửa để tôi tiện vào đệ giao. Lính sợ lỡ việc công nên mở cửa, xe ấy vào chốc lát lại lui ra, theo lối Trường Hậu Bó<sup>(14)</sup> mà đi”. Ngự tiền Thái cùng tôi và quan Đề đốc đến Trường Hậu Bó. Thái nhận ra không có người ấy bền cùng trở về trú thự của tôi, bàn chuyện truy tìm. Tôi nói rằng: “Quan Ngự tiền [16] nên vào tàu vua rõ, đợi bàn với Tòa Khâm sứ mới tiện sức hai nha Cảnh sát và Liêm phóng phái người dò thám. Tôi cũng trở về phái người đi khắp tìm hỏi. Hễ ba bên phù hợp mới là đáng tin, ắt sẽ khám phá”. Ngự tiền Thái về chỉnh lại áo khăn tiện vào tàu. Tôi và quan Đề đốc chọn sai người dẫn binh đinh đi khắp tìm hỏi. Đến 10 giờ sáng Ngự tiền Thái đến nói: “Kính vâng sắc hãy đích thân đến nhà Ba Ngạch khám qua”. Tôi xin tuân, nhưng xin mượn xe hơi [Nguyên văn “điện xa”] cùng đi để khỏi phí thời gian. Tôi tư cho phủ Thừa Thiên hội đồng cùng đi. Ngự tiền Thái thuận theo, hẹn đến 3 giờ 30 chiều đem xe hơi đến cùng đi. Tôi [17] ủy quan Đề đốc đến Nha Sen đàm bàn xin sung vào dò hỏi: Hai giờ khuya đêm ấy vào thành là xe số mấy, lại chất vấn người phu xe đã chở người nào tưởng sẽ biết được. Quan Đề đốc y kế đi hỏi.

Giao việc xong tôi vào ăn cơm trưa, nghĩ đến khẩu khí trong thư mới nhớ lại giữa Ba Ngạch và Kinh Thiệu gần đây từ lương duyên trở thành cừ thù. Trong thư nói rằng nhà Ba Ngạch tụ tập người lạ mặt để âm mưu làm loạn. Phải chăng là có ý báo thù mà ra thế. Tôi đắn đo trong lòng, mừng tượng rằng mặt của Kinh Thiệu tương tự như mặt của Trần Mộng Tùng, Chủ sự Ty Cẩn Tín, ngờ rằng người mang thư đến đêm trước có thể là Kinh Thiệu, bèn tính kế dò hỏi. Gặp lúc Ngự tiền Thái đem xe hơi tới, mới cùng đi một đoạn, tôi hỏi Ngự tiền Thái có biết Kinh Thiệu làm Kinh lịch<sup>(15)</sup> ở Thừa phủ chăng? Ngự tiền Thái đáp có biết. Tôi lại hỏi [18]: “Quan lớn có nhận thấy mặt của Kinh Thiệu

<sup>12</sup> *Thực lục Đế thất kỷ* có chép sự kiện này, theo đó, người mang phong thư là Tá quốc khanh Ứng Thiệu, nội dung thư “giả làm lời yêu nịnh của Lương Khải Siêu”. Theo dịch giả Cao Tự Thanh, nhân vật Lương Khải Siêu đã bị chép nhầm là Lương Khải Việt, Sdd, tr. 337.

<sup>13</sup> Thời Nguyễn thuộc tổng Dã Lê, huyện Hương Thủy, gồm 2 giáp là Thanh Thủy Thượng và Thanh Thủy Chánh, nay là 2 phường Thủy Dương và Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

<sup>14</sup> Trường Hậu Bó Huế (École d'Administration à Huế) thành lập ngày 5/5/1911, nhằm bồi dưỡng kiến thức hành chính cho các cử nhân, tiến sĩ trước khi bổ dụng. Trường tọa lạc tại tòa nhà của Nha Thương Bạc cũ, bên ngoài cửa Thượng Tứ, nay là khuôn viên Nhà Văn hóa thành phố Huế.

<sup>15</sup> Kinh lịch: Quan văn, trật chánh thất phẩm, cầm đầu việc bàn giấy tại các cơ quan cấp tỉnh, ví dụ dinh Tổng đốc, Tuần vũ, Ty Bố Chánh Sứ, Ty Án Sát Sứ. *Từ điển nhà Nguyễn*, Sdd, tr. 301.

và mặt Trần Mộng Tùng có giống nhau không?”. Ngự tiền Thái bảo: “Quan lớn chắc cũng biết mặt hai người này giống nhau”. Tôi bèn nói: “Tôi suy xét kỹ ngữ ý trong thư thì nghi rằng chính là Kinh Thiệu”. Đang nói chuyện thì xe đã đến phủ đường Thừa Thiên. Kinh lịch Trương Nhạ ra tiếp. Tôi hỏi rằng: Kinh lịch Ứng Thiệu hiện ở đâu. Kinh Nhạ thưa rằng: “Ở nhà y gần đường Bến Ngự”. Tôi lại hỏi: “Kinh Thiệu và thị Ba Ngạch có thành lương duyên không?”. Kinh Nhạ trả lời không, vì nửa chừng hai bên kiện cáo nhau. Quan Thừa phủ đã cấm không được qua lại. Tôi nói: “Điều đó đáng nghi, cần phải đi bắt Kinh Thiệu”. Ngự tiền Thái bảo: “Bắt mà không đúng [19] sau sẽ như thế nào?”. Tôi nói: “Bắt chức việc nhà Hán bắt Hàn Tín, giả kể đi chơi Vân Mộng vậy”. Ngự tiền Thái chưa hiểu nên im lặng. Tôi mời [quan] Phủ doãn và Kinh Nhạ cùng lên xe. Xe chạy đến nhà Kinh Thiệu ở đường Bến Ngự. Đến cổng, tôi bảo Kinh Nhạ vào gọi. Kinh Thiệu đi ra, vừa đi vừa chỉnh khăn đóng. Trông thấy dung mạo, tôi nói nhỏ với Ngự tiền Thái: “Bài ngà dây đeo màu lục, chân đi giày dừ, có đúng không?”. Ngự tiền Thái nói “đúng”. Tôi nói với Kinh Thiệu rằng: “Lâu không gặp, nay mời lên xe cùng đi tiện nói chuyện gió trăng”. Kinh Thiệu hỏi: “Đi đâu?”. Tôi đáp: “Tôi sẽ cho Ngưu lang, Chức nữ qua cầu sông Ngân”. Liền bảo xe chạy về Thanh Thủy. Mặt Kinh Thiệu biến sắc. Ngự tiền Thái giơ tay chỉ, nhìn tôi nói nhỏ: “Cả quyết rồi”. Xe đến cổng nhà thị Ba Ngạch, Ba Ngạch chạy ra [20] vừa vái vừa khóc, nói rằng thị định lên hầu Phủ doãn, nay được các quan lớn đến đây may ra thoát khỏi tai vạ. Thị kể lại đêm qua có người vút vào nhà thị một phong thư, sáng ra thị nhờ người đọc, trong thư nói về việc bội phản, đó chắc là Kinh Thiệu thù hằn phao vu hãm hại, xin các quan lớn giáng phúc minh oan cho. Kinh Thiệu quắc mắt nói rằng: “Sao lại nói ngoa chuyện này”. Tôi không can thiệp, vẫn để cho hai bên cãi vã. Phủ doãn mắng bảo im đi. Tôi hỏi phong thư. Thị Ba Ngạch lấy ra trình, thấy 3 phong thư chữ Hán, một gửi cho Ba Ngạch, một gửi cho cha của Ba Ngạch, một gửi cho Tôn Thất Điều là tình nhân của Ba Ngạch, đều nói về việc [21] âm mưu làm loạn, lại có 3 tấm danh thiếp của Lương Khải Việt. Ngự tiền Thái lấy xem rất đặc ý. Tôi nói với Phủ doãn, Ngự tiền Thái kéo Kinh Thiệu lên xe trở về, bảo đi thẳng vào dinh Tiền quân, xin bà Tiền đến nhận mặt Kinh Thiệu có đúng là người đưa thư đêm ấy không. Bà Tiền nhìn kỹ trước mặt, sau lưng, dưới chân, nói rằng quả đúng. Tay lại chỉ bài ngà dây lục và giày dừ, nói: “Không sai chút nào”. Gặp lúc quan Đề đốc đến nói rằng: “Nha Sen dầm đã tìm được người phu xe, nó nói người thuê xe chính là cụ Kinh lịch Ứng Thiệu ở phủ Thừa”. Tiếp đó cùng chất vấn Kinh Thiệu. Kinh Thiệu nhận là y đã đưa các thư ấy [22]. Hỏi vì sao lại đưa các thư ấy? Y trả lời là cụ Bộ Công sai đi đưa. Lại hỏi vì sao cụ Bộ Công lại sai y. Y nói rằng: “Quan lớn Đoàn Đình Duyệt ở Bộ Công trước là đồng sự với cha tôi. Từ khi tôi về nhà đợi bố thì càng quần bách nên đã xin cụ Đoàn nói giúp để tôi được bố lại. Cụ Đoàn nói rằng: Nay có một việc cơ mật, nếu làm xong thì được bổ, khỏi chờ xin. Cụ Đoàn bảo tôi vào phòng kín nói nhỏ rằng: Hiện có người Tàu tên là Lương Khải Việt ngấm đến kinh đô âm mưu gây loạn, nếu như thăm dò bắt được thì có thưởng lớn, hoặc là dò xem y đang ở chỗ nào, báo cho quan đến bắt cũng có công trạng. Tôi thấy người Tàu thường lui tới nhà Ba

Ngạch, nên mật bẩm với cụ Đoàn. Cụ Đoàn bảo rằng: Đây là cơ hội tốt, chiều lại tới, ta có việc mật sai. Tôi y hẹn lại đến. Cụ Đoàn giao 3 phong thư khiến ném vào nhà thị Ba Ngạch, rồi báo quan binh đến bắt cho có tang chứng. Tôi bẩm rằng: Tôi và Ba Ngạch đã từng quen biết, nếu tôi đem thư ném vào sợ y thị [23] biết mật bất tiện, xin giao cho người khác, còn tôi xin nhận thư đem báo. Cụ Đoàn đồng ý bèn sai Đội Khuyên đem thư đi ném. Đội Khuyên không biết nhà của Ba Ngạch nên nhờ tôi dẫn đường. Tôi dẫn Đội Khuyên đến vườn nhà Ba Ngạch. Đội Khuyên ở lại đó rồi lên vào ném thư. Tôi đi xe trở về đem thư đi trình báo. Phu xe kéo tôi đến dinh Tiền quân, tôi tưởng đó là dinh quan Ngự tiền nên giao thư, không nghe kêu lại nên lên xe về nhà ngủ. Nay được hỏi đến, tôi xin trở về viết tờ khai, ngày mai sẽ đệ nạp”. Tôi bảo: “Tại đây đã nghe rõ, nên dẫn đến văn phòng Nha Hộ thành, có đủ giấy bút, cứ ở lại đó mà viết tờ khai, không cần phải trở về thêm phiên”. Ngự tiền Thái nói: “Tôi xin vào tâu xong [24], sẽ đến Tòa Khâm báo rõ”. Tôi nói: “Rất hợp”. Ngự tiền Thái đi ra. Các quan ở Lục Bộ Đường đến xem rất đông. Cụ Thượng Lễ là ngài Hồ Đắc Trung cũng đến hỏi. Kinh Thiệu lại trần tình rõ ràng, không ẩn giấu gì. Quan nội thần Văn hộ giá là Nguyễn Hữu Tý,<sup>(16)</sup> Võ hộ giá là Bửu Trác nói với tôi rằng: “Khi quan Ngự tiền thông dịch tâu lên, thánh ý rất vui, khen ngài là có tài linh mẫn, đã sắc cho quan Ngự tiền đến bàn với Tòa Khâm lập tức cử lính tập đến canh giữ Công Bộ Đường, cấm cụ Đoàn không được vào ra, ắt cụ sẽ bị giải chức, giao tra xét”. Tôi nói: “Đợi lấy tờ khai của Ứng Thiệu rồi làm phiên tâu Hoàng thượng xử đoán”. Đang lúc trò chuyện, Ngự tiền Thái từ Tòa Khâm trở về, nói rằng: “Hoàng thượng đã nắm rõ, liền sai sang bàn Tòa Khâm phái một quan Tây dẫn lính tập đến canh giữ Bộ Công, cấm nội bất xuất, ngoại bất nhập, tôi tuân mệnh đến. Quan Khâm sứ đại thần bàn hãy đem lính tuần sát Nha Hộ Thành đến canh ngay, đợi Tòa Khâm phái lính tập đến đổi, mới khởi trở”. Tôi liền cùng quan Đề đốc phái Phó quan Vệ Tuần sát lập tức đem 20 tên lính đến canh giữ Bộ Công. Còn viên Chánh quan và bát phẩm Nha Hộ Thành dẫn Kinh Thiệu đến văn phòng Nha Hộ Thành canh giữ, bắt viết tờ khai.

Sau khi nhận bức nguy thư giả danh Lương Khải Việt gửi đến công chúa Ngọc Lâm hôm qua, gồm 2 phong thư, đối chiếu chữ viết thấy hơi giống nhau, nên tôi đã kính vâng sắc chỉ khám xét nhà Cửu Đào để tìm bản thảo các thư này. Lại đem so chữ viết của Cửu Đào với chữ viết của các tờ thư này thì có khác biệt chút ít. Dem 3 bức thư [26] lấy từ nhà thị Ba Ngạch đối chiếu với 2 thư này thì nét chữ phù hợp, lời ý cũng phản phất tương đương. Kinh Thiệu đã khai rằng: “Các bức thư và các tờ danh thiếp đều do tự tay cụ Đoàn giao”. Khi hội đồng hỏi, thì cụ Đoàn trả lời là hoàn toàn không can dự việc này, không biết vì sao Kinh Thiệu đã phao ngôn như vậy. Để biết rõ sự thực, tôi đã sức các thuộc viên ở Bộ Công, mỗi người viết một tờ khai trình nạp. Ngự tiền Thái đã nhận ra chữ viết của Hành tẩu Đào Hữu Bân và Nguyễn Đình Bá giống như chữ viết trong các bức thư. Quan lớn Bộ Lại nhận ra chữ viết của cử phẩm Nguyễn Y giống như chữ viết trong một bức thư. Nhưng bọn họ đều khai là không biết việc

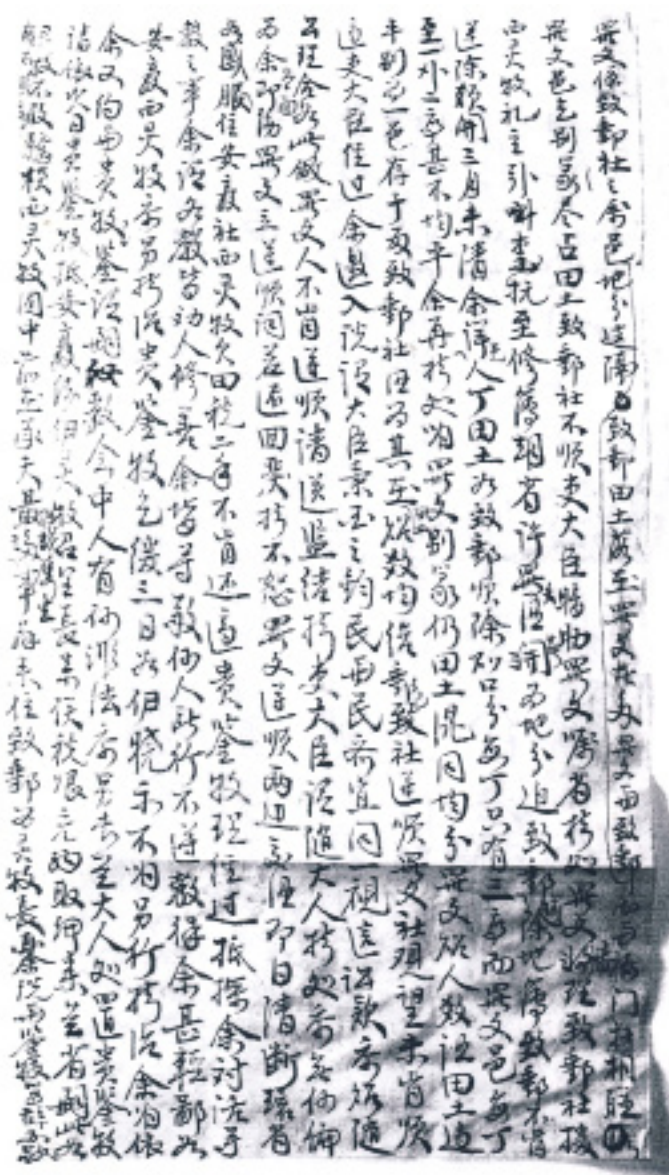
<sup>16</sup> Nguyên văn viết 庇, phiên âm là Tý, một số tài liệu phiên sai là Tỳ. Nguyễn Hữu Tý là con trai của Vĩnh Lại quận công Nguyễn Hữu Độ.

này. Lại đem các giấy tờ hàng ngày họ viết ra đối chiếu thì thấy đều [27] đáng nghi. Ngự tiền Thái bàn giải chức 3 người này và Đội Khuyên, Thừa Tùng, người đem đốt cháy giấy tờ của Cửu Đào, và Kinh Thiệu để tiện tra xét. Bèn vâng chỉ thi hành, hội đồng thẩm vấn về việc ném thư, đốt giấy tờ. Chứng cứ rõ ràng, duy việc soạn thảo các bức thư này, và dặn ném thư, báo tin, ai là chủ mưu thì vẫn không có người nào thú nhận. Nên tư cho Viện Cơ Mật bàn xét. Các quan lớn đã tề tựu họp, lại cật vấn cụ Đoàn và các nhân chứng cũng chưa rõ hoàn toàn. Hội đồng lại làm phiên giao Viện Cơ Mật kết luận. Tồi vâng sắc tuyên triệu vào hỏi kín rằng: “Đoàn Đình Duyệt vẫn chưa chịu thú nhận thì dựa vào đâu để quy kết?” Tồi tâu rằng: “Quan lớn Đoàn gần đây việc làm không xứng với ý chỉ. Hoàng thượng hỏi tội thế mà vẫn chối từ. Về các bức thư ngụy tạo này chưa rõ quả đúng hay không. Nhưng vào ngày tế Nam Giao và ngày Hưng quốc khánh niệm ông ta đã bịa chuyện gây hoang mang, thì dụng ý đã huyền hoặc, và đến khi nghe Hoàng thượng sắc tìm chữ viết của Cửu Đào, nếu như không có gì mờ tối thì ở yên để đợi, chứ sao lại dời cất, thiêu hủy gây ra bao nghi ngờ, dấu có bị buộc tội nặng tưởng cũng khó tránh. Duy từ khi đội ơn cất nhắc, vị trí đến bậc đại thần, nếu như được giáng truất cũng đủ tỏ rõ việc răn đe, nếu ngược đãi sợ phương hại đến thịnh đức. Thần vì lòng ngu trung mạo muội trình bày như trên, cúi xin thánh ý thông minh xét định”. Hoàng thượng sắc bảo rằng: “Khanh tâu bày cũng hợp, sẽ có chỉ riêng”. Tồi lui ra. Đến 3 giờ chiều tiếp được chỉ chuẩn cho thi hành, sai kiểm hồ sơ tư giao cho Viện Cơ Mật tuân nhận, hội đồng giải tán. Sau đó Viện đề nghị quan lớn Đoàn bị cách, Ứng Thiệu bị đánh trượng nhưng cho chuộc, còn đều miễn nghị. Trên bản án được châu phê: “Chuẩn cho Đoàn Đình Duyệt bị giáng ba cấp [29] mang hàm Bố chính về hưu, Ứng Thiệu bị đổi ra họ mẹ, bị đày 3 năm giải giao nhà lao Quảng Trị giam giữ, đến khi hồi hạn, thực sự thú nhận sẽ gia ân phóng thích, Hành tẩu Nguyễn Đình Bá bị cách về nguyên tịch, Hành tẩu Đào Hữu Bân giáng một cấp về quê, đổi bổ, Thừa phái Trương Tùng bị tước ngạch. Còn Tham tri Bộ Binh Tôn Thất Đàm kính vâng khám xét ổn thỏa chu tất được truyền chỉ khen thưởng”.<sup>(17)</sup> Ngài Đoàn tuân chuẩn trở về quê. Tồi và Tham tri Bộ Công Phạm Liệu dẫn các thuộc viên hai bộ Binh và Công đưa tiễn. Tồi vái Đoàn công nói rằng: “Chúc đại nhân trở về bình an, đóng cửa để xét lỗi, được sấm sét lại được mưa móc, xin chớ buông lời oán hận, may đợi phục hồi”. Đoàn công chảy nước mắt bái biệt.

Ngày tháng 9 gặp lúc Tổng đốc Thân Trọng Huề ở Viện Thượng thẩm Bắc Kỳ [30] được trở về thăng Thượng thư Bộ Binh kiêm Chương sự vụ Bộ Học, quan đại thần Bộ Lễ Hồ Đắc Trung kiêm Chương sự vụ Bộ Công.<sup>(18)</sup>

<sup>17</sup> Vụ án Đoàn Đình Duyệt được chép khá chi tiết trong *Thực lục Đế thất kỷ*, sđd, tr. 337-339, tuy nhiên một số tình tiết và tên tuổi của các nhân vật liên quan có khác so với tường thuật của Tôn Thất Đàm.

<sup>18</sup> Sách *Thực lục Đế thất kỷ* chép “[Khải Định năm thứ 6, 1921] Chuẩn cho Hiệp tá Đại học sĩ Thượng thư Bộ Học Hồ Đắc Trung đổi lãnh Thượng thư Bộ Lễ kiêm sự vụ Bộ Công, Tổng tài Quốc Sử Quán; Tổng đốc Viện Thượng thẩm Hiệp tá Đại học sĩ Thân Trọng Huề điều lãnh Thượng thư Bộ Học kiêm sự vụ Bộ Binh, Đô Sát Viện Đô ngự sử, đều sung Cơ Mật Viện đại thần”. Đến đầu năm Khải Định thứ 7 (1922) Thân Trọng Huề mới đổi bổ Thượng thư Bộ Binh kiêm sự vụ Bộ Học..., sđd, tr. 344, 355.



Trang 34, quyển 4, vụ tranh chấp đất đai giữa 2 làng Trí Bưu và La Văn.

Phụ quốc Thượng tướng quân Gia-Phi<sup>19</sup> đến chơi quý Tòa, dự định ban thưởng huy chương. Viện Cơ Mật dâng phiến kê khai tên và quan hàm của các ấn quan văn võ. Tôi được chuẩn thưởng Bắc đầu [bội tinh] hạng 5. Thượng tướng quân đem thuộc viên đến tự tay đeo tặng.

Ngày tết Nguyên đán năm Khải Định thứ 7 [1922], tôi đội ơn được chuẩn gia hàm Tổng đốc lãnh chức Tuần vũ Trị Bình [Quảng Trị-Quảng Bình]. Tham tri Bộ Hình Ứng Dinh được đổi lãnh Tổng đốc Thanh Hóa, có bài thơ lưu giã bằng chữ Quốc ngữ, tôi họa theo nguyên vận để mừng (có ghi ở tập Quốc ngữ), ngày sau xem lại tựa như lời sấm.

Công sứ Quảng Trị là Ra-Bui [Jabouille] tính nóng nảy, ghét Tuần vũ trước là Nguyễn Văn Hiền, thường mạt sát, nên ông Hiền chán xin đổi về làm Tham tri Bộ Công. Tôi vâng chuẩn đến thay. Có [31] người thân tình thấy thế lo ngại cho tôi, nhưng tôi vẫn không để ý. Án sát Hồ Đắc Khải giỏi tiếng Pháp, ăn nói lưu loát, được Công sứ thân thiện. Tôi vừa đến, Án sát Hồ

muốn phô trương thanh thế, thường nói rằng Công sứ khó mà thân cận, quan Tuần trước nhiều lần bị ngăn cản, riêng Án sát Hồ mới được tâm đầu ý hiệp, nói hay bày mưu kế gì cũng thuận theo. Mỗi tối quan Án ăn cơm xong liền đến Tòa hỏi thăm sức khỏe quan sứ, và trò chuyện thân mật với bọn bồi. Tôi thì không từng đến gặp riêng, chỉ mỗi tháng hội họp hai lần. Tôi nói tiếng Việt, quan Án Hồ dịch ra tiếng Tây, có khi thêm thắt hay giảm bớt tôi xin dịch lại. Công sứ nói rằng: “Quan Tuần vũ thông hiểu như thế sao lại không [32] nói thẳng tiếng Tây?”. Tôi nói: “Tôi dùng tiếng Tây sợ không đạt, chẳng bằng dùng tiếng Việt cho nhanh”.

<sup>19</sup> Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

Quan Công sứ trước đó nhận được tờ tư của Tòa Khâm sứ về khoản quyền mộ 6 triệu đồng quốc trái,<sup>(20)</sup> nên bàn hỏi các quan tỉnh phỏng mộ được bao nhiêu. Quan cự Tuần vũ và quan Án Hồ đáp phỏng được một vạn đồng. Quan Công sứ muốn đạt được 1 vạn 5 ngàn đồng. Gặp lúc tôi đến thăm Công sứ bị bệnh, đã mời tôi đến bên giường dặn dò. Tôi nói: “Hãy đợi tôi đi hành hạt hiểu thị, quyền mộ đã. Dân hai phủ huyện Triệu Phong, Hải Lăng nhiều người giàu có, dễ mộ, tôi giao cho quan Án Hồ đi trước khuyến mộ, còn 3 hạt Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ đất đai khô cằn, dân nghèo và ít, riêng tôi thân hành khuyến mộ” [33]. Quan Công sứ cho là công bằng. Tôi đi vận động trong vòng một tuần được 1 vạn 5 ngàn đồng. Quan Án vận động được 8 ngàn đồng. Quan Công sứ rất vui lòng, còn quan Án Hồ thì ngạc nhiên. Tôi bàn định cho phép dân làng cho thuê công điền lấy tiền mua quốc trái, quan Công sứ cũng thuận. Tôi lại đi hiểu dụ Triệu Phong và Hải Lăng thêm 4 ngày nữa được 1 vạn đồng. Như vậy trước sau hai lần, tỉnh đã khuyến mộ được 3 vạn 3 ngàn đồng. Quan Công sứ kính phục bảo tôi kiến thức hơn hẳn Nguyễn Văn Hiền vạn lần. Từ đó bàn luận chuyện gì đều thuận theo.

Hạt Quảng Trị rất nhiều giáo dân. Linh mục người Tây có 12 viên, người Nam có 30 viên, nhiều lần can dự vào việc dân chính. Thời các quan tiền nhiệm nhiều vụ kiện chồng chất, về việc hộ còn lại 13 vụ, trải qua 4, 5 năm, mỗi vụ hồ sơ sáu bảy trăm tờ, rất là phức tạp. Trong đó có vụ Trí Bư<sup>(21)</sup> và La Văn<sup>(22)</sup> kiện cáo nhau, nguyên Tuần vũ Trần Văn Thống thụ lý 3 năm vẫn không quyết được, giao lại cho Nguyễn Văn Hiền gần tròn 2 năm cũng không xong [34]. La Văn là ấp thuộc về làng Trí Bư. Ruộng đất của làng Trí Bư tọa lạc tại La Văn rất nhiều. Địa phận Trí Bư và La Văn xa cách nhau, mà La Văn lại gần làng Phước Môn,<sup>(23)</sup> đất đai liền nhau. Ấp La Văn xin cấp khuôn dấu riêng [biệt triện] chiếm hết ruộng đất. Làng Trí Bư không thuận. Quan lớn Bộ Lại ngầm giúp cho La Văn, dặn tỉnh xử cho La Văn thắng lý. Làng Trí Bư lại nhờ linh mục Tây là Lễ chủ trương khiêu nại kháng cáo. Đến kỳ tu địa bộ, tỉnh cho La Văn nhận ghi làm địa phận của mình, bắt Trí Bư phải giảm trừ trong địa bộ. Trí Bư không chịu tuân trừ. Sổ bộ kê khai trong 3 tháng vẫn chưa xong. Tôi xét đơn xin, thấy rằng nếu như Trí Bư chịu trừ số nhân đinh và điền thổ (tại La Văn) ra thì khẩu phần mỗi đinh chỉ có 3 sào, còn La Văn mỗi đinh đến 1 mẫu 2 sào, quá mất công bằng. Tôi lại xử rằng: La Văn được biệt triện, nhưng ruộng đất phải cùng chung để quân cấp, phân cho La Văn chiếu theo nhân số nhận điền thổ tương thích, tách riêng làm một ấp. Còn lại bao nhiêu ruộng đất quy về cho làng Trí Bư nhận làm ruộng đất “kỳ tại” [ruộng của làng mình nhưng nằm trên đất làng khác], chiếu theo số lượng để quân cấp. Làng Trí Bư tuân thuận, nhưng ấp La Văn còn trông mong chưa chịu theo.

<sup>20</sup> Để hoàn thành đường xe lửa từ Nghệ An đến Đông Hà (Quảng Trị). *Thực lục Đế thất kỷ*, sdd, tr. 355.

<sup>21</sup> Nguyên là xã Cổ Bư, sau đổi thành Trí Bư, thuộc tổng An Thái, nay thuộc phường 1, thị xã Quảng Trị.

<sup>22</sup> Nay thuộc xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

<sup>23</sup> Phước Môn nguyên là một ấp do Nguyễn Hữu Bài lập ra, nay thuộc xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Gặp lúc quan lớn Bộ Lại [Nguyễn Hữu Bài] đi ngang qua tỉnh, tôi mời vào trò chuyện, nói rằng: “Quan lớn nắm việc điều hành cả nước, người dân đều được xem như nhau, việc kiện tụng này tôi đã chiếu theo công lý mà xử như thế. Người La Văn không chịu tuân thuận, xin cứ tống giam để kết thúc vụ án”. Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Tùy đại nhân xét xử, tôi không thiên vị bên nào”. Tôi liền sức La Văn phải tuân theo lập tức nhận tờ phân chia, nếu chậm trễ thì nghiêm trị không tha. La Văn đành tuân theo. Hai bên giao nhận xong ngay hôm đó. Việc xử đoán xong. Khắp tỉnh đều cảm phục.

Viên linh mục Tây trú ở làng An Đôn<sup>(24)</sup> đã thiếu thuế ruộng 2 năm liền, không chịu trả. Gặp lúc Giám mục Ê-Lý<sup>(25)</sup> đi ngang qua, vào thăm, cùng tôi đối thoại về chuyện tôn giáo. Tôi nói rằng: “Nếu như tôn giáo nào đều khuyên người tu sửa cho tốt, thì tôi đều kính trọng. Người nào việc làm không đúng giáo chỉ, tôi rất khinh bỉ, như viên linh mục Tây ở làng An Đôn, tôi sẽ nghiêm trị”. Quý Giám mục xin hoãn 3 ngày để đi hiểu thị, nếu không nghe thì sẽ nghiêm trị. Tôi thuận theo. Tôi lại hẹn với quý Giám mục, nói rằng: “Từ nay về sau, trong Giáo hội có ai làm gì phi pháp, tôi sẽ gửi thư trình đại nhân xử trí”. Giám mục y theo. Hôm sau, Giám mục đến An Đôn, sức cho linh mục ấy mời lý trưởng đến để nạp tiền thuế, nhận biên lai trình lên tỉnh. Từ đó các linh mục không dám ngang ngược. Cố Trung (linh mục Tây) trước ở tại Thừa Thiên rất cứng cỏi, nay ra Trí Bưu làm linh mục trưởng, nghe tôi nói với Giám mục những lời này cũng rất cảm phục.

Làng Giáo Liêm<sup>(26)</sup> thuộc phủ Triệu Phong lại có vụ hai chú cháu tranh gia tài, quan phủ [họ] Võ, trước thì nghe chú, sau lại nghe cháu, đã niêm phong văn khế ruộng đất và tiền bạc cất vào hòm gỗ đem về phủ [35] nha canh giữ. Đứa cháu lại khai rằng: Người chú đã chôn giấu rất nhiều tiền đồng dưới nền đất trong phòng, xin phái người vào khám xét. Phủ phái lại mục đến khám. Người chú khai: Y là tộc trưởng nhận giữ tiền của dòng họ nên phải chôn giấu, chứ không phải là gia tài, xin đòi người trong họ đến chất vấn. Lại mục không nghe, liền bắt dân phu đào khám. Người chú sai gia nhân bắt trói lại mục rồi chạy lên Tòa Công sứ gửi đơn vụ khống rằng: Phủ nha nghe xằng đứa cháu, ban đêm phái lại mục đến phá hủy nhà y. Tòa sứ bàn bạc, giao cho tỉnh cứu xét, tôi phái viên hậu bổ đến khám, rút lại mục về tỉnh nhưng dặn hậu bổ khám xong, hội đồng lập biên bản còn tiền tài vật sản đều giao cho chú cháu và tổng lý sở tại canh giữ, chứ không được đem về. Hôm sau phủ nha đem hai hòm gỗ về bẩm nạp [36]. Tôi sức giao cho chú cháu và tổng lý lập tờ nhận về canh giữ đợi cứu xét. Tôi cứu xét số gia tài này trước đã chia đều, bèn hiểu dụ người chú cho cháu thêm số ruộng tương đương số tiền 100 quan. Bọn họ đều tuân theo liền bãi nại.

Ở tám phường của tổng An Mỹ Thượng thuộc huyện Do Linh, nhân dân phần nhiều bị bệnh sốt rét, tôi bàn cần xây một bệnh xá để chữa bệnh cho

<sup>24</sup> Nay thuộc xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

<sup>25</sup> Eugène Marie Joseph Allys, Giám mục cai quản Giáo phận Huế từ năm 1908 đến 1931.

<sup>26</sup> Nay thuộc xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

dân, tại phường Nam Đông cho tiện cấp thuốc. Tòa Công sứ và quan Lục lộ đã đến nơi chọn một khoảng đất cắm mốc. Dân sở tại không kêu ca gì. Đến khi phái tên cai phu đem dân phu đến đắp nền, tên cai phu đem dài bù ngắn, lấn vào vườn nhà một đoạn. Chủ đất xin dời đổi, tên cai phu không chịu dời [37], tự tiện chặt một cây cau. Người chủ đất đến nhà thờ đạo làng ấy trình với quý linh mục. Viên linh mục ấy nói: Tên cai phu ấy bức hiếp thì bắt trói lại. Chủ đất về bắt trói tên cai phu ấy. Cai phu nhờ người báo cho quan Lục lộ, quan này trình lên Công sứ. Công sứ lại gọi điện trình cho quý Khâm sứ, nói rằng: Quý linh mục không tuân lệnh Công sứ, thửa đất ấy đã được Công sứ đích thân đến khám mốc, nay phái người khởi công, linh mục Tây lại khiến bắt trói người sai phái, làm trở ngại việc công, xin trục xuất vị linh mục Tây này ra khỏi địa phận Quảng Trị. Nếu như linh mục Tây này vẫn còn ở lại, thì Công sứ xin trở về, không làm Công sứ Quảng Trị nữa. Tòa Khâm sứ [38] tư đến Giám mục Ê-Lý. Giám mục kinh hoảng đến hỏi quan lớn Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài. Ngài cũng ngạc nhiên không hiểu nguyên ủy. Lần ấy tôi đang về quê thăm viếng nên việc này, quan Công sứ bàn với quan Án Hồ sức giao cho viên linh mục lo liệu, hạn trong 3 ngày phải có phiếu bẩm. Được 2 ngày thì tôi trở về. Quan Án Hồ trình xin. Tôi tới Tòa Công sứ hội thương xong, về dinh nghỉ ngơi. Hai giờ chiều tôi lại đến Tòa, quan Công sứ nói: Viên linh mục Tây ngang ngược cần phải xử nghiêm. Tôi nói về khoản yếu nhân là linh mục Tây và quan Lục lộ kiện cáo nhau, thế của viên huyện khó phân xử. Chúng ta phải đích thân đến xem xét mới giải quyết được [39]. Quan Công sứ xin đi ngay. Tôi nói: “Đến nơi mà không có nhân chứng, cũng là phí thời gian, xin hẹn đến hôm sau sức cho viên huyện chuyển sức các làng, và tư cho quan Lục lộ đòi những dân phu có làm ngày ấy đến, để đôi bên đều tề tựu ứng trực tại nơi ấy, lúc ấy chúng ta mới tiện cứu xét”. Công sứ đồng thuận, bàn bàn về khoản khác. Tôi kể lại ngày trước thấy quan Lục lộ phái người làm không hợp, nhiều lần gây ra việc, việc ngày nay có thể là người của y sai phái có chút gì không đúng nên chưa thể biết được, xin chờ nghe lời mà nhầm lẫn. Quan Công sứ giận hẹn rằng cứ theo lẽ công cứu xét, nếu như người do quan Lục lộ sai phái có sai trái gì thì cứ nghiêm trách [40] để trừ tệ hại. Tôi xin y theo lời hẹn, trở về lỵ sở sức cho thi hành. Ngày kế tiếp tôi và quan Án cùng với Công sứ và quan Lục lộ đến nơi, trước hết là xét các mốc thấy rộng hơn. Tôi hỏi quan Lục lộ rằng: “Sở này vốn trừ tính chỉ có 800 đồng, mua nhà cũ 500 đồng, còn 300 đồng chi nhân công vật liệu, còn sợ không đủ. Nay cắm mốc vào đất tư, phá hoa màu, tại sao lại như thế?”. Quan Lục lộ nói quan Công sứ muốn cho rộng như thế. Tôi bàn rằng: “Sở này bất quá chỉ làm một ngôi nhà, phái một người khản hộ cấp thuốc, đến đây tạm trú cấp phát mà thôi, không có phòng bệnh, nhà hộ sinh, lấy đất rộng để làm gì. Tôi nghĩ cần phải thu gọn lại, chỉ cần 1 mẫu hoặc 1 mẫu 2 sào là đủ”. Quan Công sứ cũng đồng ý, bèn sức dời [41] mốc, chỉ lấy đất trống chừng 1 mẫu. Sau đó khám việc cai phu đã chặt phá 1 cây cau, các cây chè và cây tạp 8 gốc, so với mốc trước đây thì xâm lấn vào đến nửa nhà dân, chặt phá đến 30 cây. Công sứ nói: Ngày trước đích thân đến cắm mốc không hề lấn vào vườn nhà. Tôi bèn chất vấn cai phu có sao lại dời mốc. Y khai rằng: “Quan Lục lộ phái y đến đây đo đạc, lấy

2 mẫu đất ở giữa để đắp nền. Nguyên các cây mốc ở 4 góc y đều dời từ đông sang tây, cắt dài bù ngắn để được vuông vức ngay thẳng cho nên phải lấn vào vườn nhà, nhưng chỉ đủ 2 mẫu chứ không hơn. Kỳ hạn đã đến, y bắt chặt phá bồi đắp nền, nhưng chủ đất đã bắt trói không cho y làm”. Người chủ vườn khai rằng: “Quý quan cấm mốc lấy đất không đến vườn nhà, nhưng viên cai phu đến lại dời cây mốc xâm lấn vào vườn, bắt y phải triệt hạ nhà, chặt phá cây cối, y xin đừng triệt hạ và chặt cây. Người cai phu ấy không cho. Y phải tới trình với quý linh mục mời đến nói giúp. Quý linh mục nói rằng viên cai phu ngang ngược thì bắt trói lại. Y thấy viên cai phu chặt cau, chèn y chạy về bắt trói”. Tôi nói rằng: “Bên này bên kia đều sai, người cai phu thay đổi mốc xâm lấn vào vườn nhà dân cần phải làm phiếu trình với Công sứ. Quan Lục lộ vì sao lại sức tự tiện chặt cây. Chủ vườn nếu có bất bình thì phải trình với Lý trưởng, bẩm lên huyện tỉnh. Viên linh mục không can dự vào việc dân chính, cơ sao mới nghe trình lại vội khiến bắt trói. Chủ vườn vốn nên trị tội nhưng đã [43] bị tổn hại nên hãy tha. Cai phu làm việc tự tiện đến nỗi gây chuyện phải bị đuổi đi không được làm ở sở này. Còn Lý trưởng không biết chức phận khiến cho làm việc công, nên lập tức bãi việc. Hương bộ không khéo khu xử, khiến cho công sở này chậm trễ nên phạt 20 công bù vào việc đắp nền khiến cho kịp việc. Ngoài ra hãy đình xét”. Quan Công sứ cũng thuận theo. Người xung quanh gần đó đến xem rất đông, cả lương và giáo đều bằng lòng.

Tôi cùng quan Công sứ trở về. Giữa đường gặp quan lớn Bộ Lại [Nguyễn Hữu Bài] đi ra phía bắc, dừng xe lại hỏi han. Quan lớn ban đầu có vẻ lo lắng, đến khi nghe tôi trình bày về việc hiểu dụ xử trí xong xuôi, ngôi nhà thương ấy hôm nay cũng tiếp tục khởi công, quan lớn hài lòng, nói với quan sứ rằng [44]: “Quan Tuần vũ chính sự thành thạo, xử trí hợp cách, phạm có việc gì nên cùng xét đoán mới được ổn thỏa, chứ đừng hấp tấp nóng giận”. Quan Công sứ cũng vui vẻ thuận theo, bèn chia tay. Tôi lên xe nói với quan sứ rằng: “Quan lớn Bộ Lại khuyên đại nhân chớ nóng nảy là vì đại nhân xin đuổi hết linh mục Tây”. Quan sứ cười nói: “Chính thế”. Tôi lại nói rằng: “Đại nhân nói ra lời này có kẻ cho là chưa kịp lượng xét ai có lỗi cần phải trị không nể nang, nhưng xin đuổi hết thì không khỏi gây hiềm khích, nên cần suy nghĩ kỹ”. Quan sứ hiểu ra, nói rằng đến khi về Tòa sẽ viết thư gửi cho quan Khâm sứ xin hủy tờ thư trước, đình chỉ thi hành. Từ đó quan lớn Bộ Lại và Giám mục Ê-Lý đều phục cách xử trí của tôi.

Lý trưởng đương chức của làng Ngô Xá<sup>(27)</sup> đầu đơn kiện các Lý trưởng, Hương bộ trước đã tự tiện bán công điền [45], xin thu lại tất cả để quân cấp. Tôi xét sổ ruộng ấy đã mua bán luân lưu từ ba mươi năm trước. Lại xét sổ bộ điền thổ có số ẩn lậu chưa quân cấp hết, bèn sức khám đạc, thấy số công điền nhiều hơn trong sổ bộ, trừ số đã bán trên còn thiếu 3 mẫu, tôi sức cho người mua tùy theo nhiều ít trả lại cho đủ nguyên số công điền trong sổ bộ. Nhưng nguyên đơn kêu nài muốn thu lại tất cả, bèn hỏi lộ cho người bồi của quan Công sứ là Cửu Vinh nhờ quan Án xin sửa đổi. Tôi không chịu.

<sup>27</sup> Nay thuộc xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Lại có người ở làng Thạch Hãn<sup>(28)</sup> kiện giành gia tài, nguyên đơn đã hối lộ cho Cửu Vinh, tôi xử quy về bên bị đơn thắng kiện. Quan Án nói rằng: “Hai vụ kiện này đại nhân đã xử như thế sợ trái ý [46] của quý Công sứ”. Tôi nói: “Tôi chỉ chiếu theo tình lý mà xử, ý kiến quan sứ thế nào thì tùy”. Đến kỳ hội thương duyệt phiếu, quý Công sứ đem hai đơn này ra hỏi lại, tôi trả lời theo sự lý đã xét, quan Công sứ không vui, nói rằng tôi thiên về trách phạt, làm quan mà không thương dân nghèo. Tôi trả lời: “Việc điền thổ phải xét văn khế, sổ bộ; việc gia tài cần xem chúc thư; tôi đã xét kỹ tùy theo tình lý, nắm lẽ công để xử đoán, giàu nghèo đều quân phân lợi ích, nếu thiên vị hay nghe lời xúi giục theo bọn thầy kiện thì chỉ là dối trá, dân không được thấm nhuần ơn huệ. Nay chỉ nói qua, không thể giải thích tường tận, đợi đại nhân duyệt kỹ tờ tư, tùy đại nhân xử trí, tôi không có ý gì khác, ắt không cần biện bạch nhiều”. Quý Công sứ im lặng nghe, về sau khi duyệt hai bản án này [47] bút phê vào phiếu, đều y theo lời tôi. Điều đó làm cho quan Án ngạc nhiên, mặt có sắc thẹn, nhưng cũng chẳng biết làm sao.

Quan Công sứ đi kinh lý sở hóng mát ở Cửa Tùng<sup>(29)</sup> sức cho dân dời các phần mộ cũ vốn táng ở bờ biển, dân kéo lên tỉnh kêu khóc. Tôi đích thân đi khám xét, chọn một mẫu đất trống cho dân dời mộ và bàn trích công ngân cấp trả tiền mua đất. Dân sợ tại đều cảm kích.

Quan Lục lộ La-Pha-Lăng<sup>(30)</sup> trình với quan Công sứ rằng hai bên quan lộ, nhân dân phần nhiều trồng tre, mưa động rơi xuống làm mặt đường hư hỏng, bóng râm che khuất ánh nắng làm cho đường sá bị ẩm thấp, cần phải sức khắp cho dân dời các hàng tre ở hai bên cách chân đường 15 mét.

Quan Công sứ tư cho tôi chuyển sức. Tôi bàn nói rằng: “Các hàng tre này được trồng sáu, bảy mươi năm nay, trước nay không ai dị nghị. Từ Nam chí Bắc, hai bên đường quan xanh ngắt, các tỉnh khác chưa từng thay đổi, riêng tỉnh ta bắt dời, không khỏi nhân dân ven đường ta thán, làm phương hại đến chính thể. Trừ đoạn đường nào khám xét thấy tre lấn ra mặt đường mấy thước thì sức dân chặt đi [48] ngoài ra vẫn để như cũ, mới khỏi hại dân”. Quan Công sứ hợp ý bèn đình sức. Quan Lục lộ bất bình, nhân việc tôi xin trích 500 ngày công ích để tu bổ đường sá trong thành và bốn phía hồ, nhưng bắt làm chưa hết [số công], quan Lục lộ ngầm nói với quan Công sứ rằng: Công việc chưa hết 300 công, tôi đã thủ lợi 200 công. Quan Án cho là quan ngại, trở về thuật lại. Tôi nói: Quan Lục lộ không có quyền tra xét việc tỉnh, cần gì phải sang đối thoại. Đến kỳ hội thương, tôi bàn với Công sứ mời quan Lục lộ đến. Tôi nói ngay trước mặt rằng: “Ngày công ích là công để dành làm công dịch trong tỉnh, tôi là Nam

<sup>28</sup> Thời Nguyễn thuộc tổng An Thái, huyện Hải Lăng, nay thuộc thị xã Quảng Trị.

<sup>29</sup> Khải Định Năm thứ 8, 1923 “Chuẩn lập bãi tắm ở tấn Tùng Luật (thuộc tỉnh Quảng Trị, tục danh Cửa Tùng. Tùng Luật trong niên hiệu Duy Tân có dựng ngự sở Thừa Lương, tháng 5 năm Khải Định thứ 3 [1918] dời dựng sở Thừa Lương ở xã An Cư huyện Phú Lộc phủ Thừa Thiên, đến lúc ấy phủ Toàn quyền nghĩ lập một bãi tắm ở bãi biển ấy để được đông người, nên có lời chuẩn ấy). *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 419.

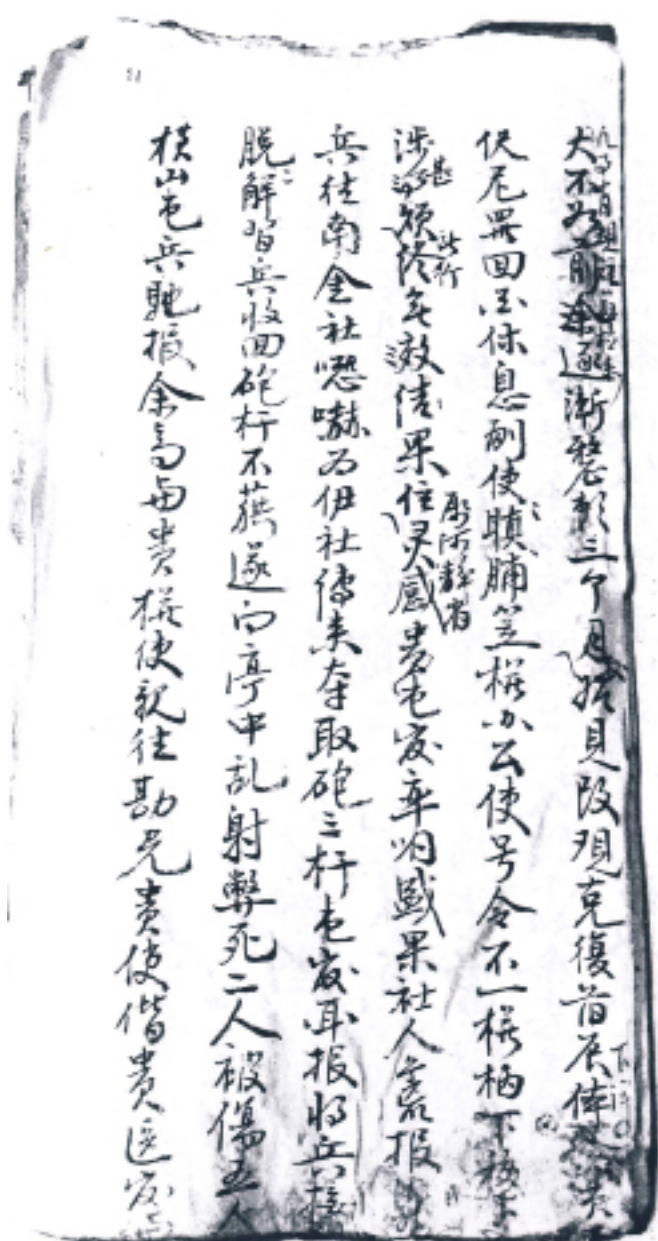
<sup>30</sup> Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

thủ hiến của tỉnh có quyền sử dụng công ích. Nếu như tôi muốn ăn cấp, thì phải ăn cấp hàng nghìn hàng vạn đồng bạc [49] còn như mấy trăm ngày công tôi không thêm ăn cấp nhỏ nhất như bọn cai phu. Nếu quan sứ có nghi ngờ thì xin thiết lập hội đồng cứu xét”. Quan Công sứ nói rằng: “Tôi và đại nhân là bạn tâm phúc, không có nghi ngờ gì, xin đừng để ý đến lời bọn phàm tục. Tôi cũng chưa từng khinh suất nghe theo, xin chớ nói lại nữa”. Viên quan Lục lộ hổ thẹn rút lui. Y vốn là kẻ xảo trá, háms lợi, khéo xu nịnh quan sứ, nói xấu đồng sự, quan Giám binh và quan thầy thuốc đều không thích, hai bên chia bè phái. Quan Án thì xu phụ cả hai bên, sáng đến quan Lục lộ, chiều đến quan Giám binh, nay thăm quan thầy thuốc mai thăm quan Phó sứ, luôn vòng không rảnh. Tôi thì phò mặc, chỉ khi nào gặp họ mới bắt tay chào hỏi sức khỏe mà thôi.

Gần ngày tết quan lớn Bộ Lại trở về nhà riêng ở Phước Môn, quan Án rủ tôi đến thăm. Tôi cùng đi, quan Án mang theo lễ vật, tôi chỉ đi tay không. Đến nhà riêng, quan lớn mời vào trò chuyện về tình hình gần đây trong kinh, nhân nói đến việc quan Khâm sứ phái Vương Tứ Đại đến cứu xét vụ kiện ở phủ Thiệu Hóa [tỉnh Thanh Hóa] của Tri phủ [50] Hồ Đắc Bích.<sup>(31)</sup> Quan lớn Bộ Lại nói rằng: “Các quan tỉnh Thanh Hóa quá vụng về làm liên lụy đến Hồ Đắc Bích. Hồ Đắc Bích vốn là người mẫn cán, văn án linh hoạt hơn hẳn quan Án tỉnh ta nhiều, vụ kiện này y như việc ở làng Giáo Liêm tỉnh ta, cũng là chú cháu tranh giành gia tài, quan lớn tỉnh ta đã khéo xử trí, nên quan nha phủ Triệu Phong đều khỏi tai tiếng. Vụ kiện ở Thiệu Hóa, các quan tỉnh để chậm trễ đến 3 tháng, chưa từng xử đoán, nên bị đơn ức tình vào kinh đón xa giá kêu nài thành ra một vụ án lớn. Quan Tổng đốc Thanh Hóa thật là bất lực. Nếu như gặp quan lớn đây thì đâu đến nỗi”. Tôi nói qua chuyện khác, chốc lát rồi xin cáo từ. Trở về vừa ra đến [51] cổng sắp lên xe, quan Án than thở riêng rằng: Một người đi tay không mà cười nói vui vẻ, lại được khen ngợi, còn ta cung kính, đầy đủ lễ vật lại bị mạt sát, đáng hận thay. Tôi hỏi khen ngợi gì, mạt sát gì. Quan Án nói rằng: Quan lớn Bộ Lại nói đại nhân khéo xử, giỏi hơn Tổng đốc Thanh Hóa không phải là khen ngợi sao. Còn nói tôi văn án không linh hoạt bằng Hồ Đắc Bích, chẳng phải là mạt sát sao. Tôi nói: Đại nhân có đem theo lễ vật thế mà chẳng báo cho tôi biết để cùng lo cho hợp nhân tình, cứ âm thầm lo riêng lễ vật, nên bị tạo hóa ghét ghen cũng phải, quá khéo như thế còn oán trách gì. Quan Án tỏ ra rất hối hận. Quan vốn tự thị tài trí, cùng làm việc một năm không thấy thi thố được gì.

Đầu xuân năm Khải Định thứ 8 [1923] [52], tôi được dự chuẩn cho thăng thự An Tĩnh Tổng đốc, thay thế Trần Đình Bá cải bổ Thượng thư Bộ Hình sung Cơ Mật Viện đại thần. Tôi về kinh bái mạng, yết kiến dưới bệ, Hoàng đế sắc tặn mặt rằng: “Khanh làm Tuần vũ Quảng Trị một năm, việc hành chính đến với dân phần nhiều xứng chỉ. Nghệ An là một trấn lớn của Trung Kỳ, là đất văn hiến, nhiều người cứng cỏi, quý quan bảo hộ mọi khi đều nói là khó chế

<sup>31</sup> Khải Định năm thứ 7 (1922), Tri phủ Thiệu Hóa Hồ Đắc Bích bị dân tố cáo lạm quyền hà hiếp người dân, triều đình sai Vương Tứ Đại (Phủ doãn Thừa Thiên) làm khâm phái tra xét. Đắc Bích bị giải về kinh, bị kết án cách chức, thu lại tất cả các bằng sắc. Tòa Khâm sứ can thiệp, kết quả Đắc Bích chỉ bị giáng hai cấp và điều bổ. *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 395-396.



Trang 56, quyển 4, vụ án lính đồn Linh Cảm  
bắn người dân làng Nam Kim.

xong xuôi mới lên đường nhận chức, răn dạy gia nhân lấy cần kiệm lễ nhượng làm mục đích.

Đến lý sở, liêu thuộc đón mừng, nhiều người quen biết cũ, tình ý tỏ bày, cũng lấy hai chữ cần [54] kiệm và lời răn kẻ làm quan mà khuyên răn thuộc viên ở phủ huyện, dặn dò lấy sự không kiêu căng làm đầu, khảo xét quan viên trong hạt, dặn dò hãy về khuyên con em học cho bản thân mình, dốc theo thực nghiệp, chớ vì hư văn, việc học đều lấy việc tôn quân, thân người trên, lễ nghĩa liêm sỉ làm tôn chỉ, tứ dân đều trọn bốn phận mới mong tiến bộ.

ngự, nắm vững đường lối mới mong yên ổn. Khanh từng cai trị nơi này, tình thế vốn am hiểu, nên ủy Khanh hãy đem hết học thức để đền đáp giản mệnh”. Tôi khấu đầu vâng sắc, tâu xin lưu lại nhà 5 ngày để chỉnh bị hành trang rồi sẽ kính cáo từ, lên đường nhận chức. Được ban mệnh chấp thuận. Lui ra gặp quan lớn Bộ Hình Trần Phước Trang [tức Trần Đình Bá] mời lưu lại vào bộ đường, trò chuyện một đêm, nhân đó gợi gắm các việc đang làm, xin tôi chiếu cố, nói rằng Bố chính Lê Hoàn có lòng phản trắc, sợ sẽ phá hoại. Tôi nói: Đã có sự thành toán chớ lo. Chuyện trò đến nửa đêm [53] tôi cáo từ trở về ngủ, nhưng không ngủ được, kính nghĩ đến lời vua dạy “đem hết học thức để đền đáp giản mệnh” vừa mừng vừa sợ về việc được giao trọng trách ắt phải đem sở học thi thố mới không trở ngại chẳng. Lại nghĩ trước hết phải chính tâm, tùy việc mà đối phó, gốc vững nên đạo nảy nở, xưa nay cũng cùng một lý, vả lại phải cần kiệm mới đủ nuôi dưỡng liêm khiết, lời răn của thánh hiền há dám coi thường. Ta phải duy trì mới thư được nỗi lo lắng. Bèn cáo yết từ đường, thăm viếng phần mộ

Lúc đó Công sứ Nghệ An là Xích-Ni-La<sup>(32)</sup> sắp đến kỳ nghỉ hưu, nên theo lẽ thường làm việc, chuyện giao thiệp cũng giản dị. Nhưng công việc các ty Hình, Hộ đọng lại còn nhiều, tôi đi hành hạt xét hỏi hiện tình trong một tuần lễ, rồi trở về tỉnh đốc thúc hai ty ấy theo thứ tự giải quyết các việc trước đây. Hỏi ra có hai vụ tranh giành địa phận giữa làng Dương Phố và làng Dương Liễu, giữa Hoàn Sơn và Nam Kim,<sup>(33)</sup> không thỏa mong ước nên đón xa giá khiêu nại. Kính chuẩn giao về cứu xét lại. Nguyên quan Tổng đốc trước xử cho Hoàn Sơn và Dương Liễu thắng lý, nay Dương Phố và Nam Kim dâng [55] phiếu kêu khẩn xin sửa lại, mỗi làng nguyện hối lộ một ngàn đồng. Tôi không chịu nhận sửa lại, chỉ châm chước xử ổn thỏa, xét kỹ chứng cứ sổ bộ phân minh, tư về bộ y như trước. Phước Trang Trần Đình Bá gửi thư cảm tạ, nhớ lại một đêm trước đây đã ân cần dặn dò chỉ sợ vàng bạc làm đen lòng người. Trong hạt biết chí hướng tôi không cốt làm giàu, từ đó không dám tư túi. Quan Bố chánh là Lê Hoàn cũng biết tuân thủ chức phận, cung kính liêm nhượng, tôi chân thành hòa hợp cùng nhau giúp đỡ. Việc chính trị trước đây có nhiều cẩu thả sơ lược, nghĩ đến việc tôi hiện đang cầm quyền, quan Bố chánh [56] hoàn toàn không giống như trước, phàm có việc gì khó xét, nay đã kiểm lại, bèn tạm chỉnh đốn, sau ba tháng mới thấy thay đổi khá hơn, khắc phục sai sót ngày trước.

Quan Công sứ Xích-Ni-La trở về nước nghỉ hưu. Phó Công sứ là Sân-Bô-Lạp<sup>(34)</sup> quyền nhiếp chức vụ, hiệu lệnh bất nhất, thay đổi cấp dưới, việc giao thiệp rất phiền nhiễu, việc làm chẳng có kết quả.

Quan coi đồn Linh Cảm thuộc tỉnh Hà Tĩnh sơ suất nghe người làng Thịnh Quả<sup>(35)</sup> báo cáo láo, đã phái lính tập đến làng Nam Kim hống hách, bị dân làng ấy trối lại, đoạt lấy 3 cây súng. Quan đồn nghe báo, đem lính tiếp ứng giải thoát. Lính tập thu hồi súng không được bèn bắn bừa vào trong đình, làm chết 2 người, bị thương 5 người. Lính đồn Hoàn Sơn cấp báo, tôi bàn với quyền Công sứ đích thân đến khám xét. Công sứ đem quan thầy thuốc cùng [57] viên cấm<sup>(36)</sup> và người thông dịch. Tôi đi cùng với quan Án sát và nhân viên của tỉnh. Quan sứ muốn đến đồn Linh Cảm trước để hỏi quan đồn. Tôi không thuận, bàn với quý sứ đi thẳng đến Nam Kim, đồng thời điện cho quan Công sứ Hà Tĩnh cùng đến Nam Kim và sức cho quan đồn đến để chất vấn. Quan quyền Công sứ bất đắc dĩ cùng đến Nam Kim, nhưng không chịu điện cho Tòa sứ Hà Tĩnh.

Khi đến nơi thì quan đồn đã đem lính và súng trở về, chỉ còn 4 tên bị trối. Xét hỏi thì làng Nam Kim khai rằng chỉ vì bọn trẻ chăn trâu làng Nam Kim tranh giành lấy phân trâu, người làng Thịnh Quả ra đánh, trẻ chăn trâu nằm vạ, làng Nam Kim không chịu nhận bọn ấy về. Người làng Thịnh Quả nhờ

<sup>32</sup> Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

<sup>33</sup> Thời Nguyễn, các làng Dương Phố, Dương Liễu, Hoàn Sơn và Nam Kim đều thuộc tổng Nam Kim, huyện Thanh Chương, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

<sup>34</sup> Chúng tôi chưa xác định được nguyên danh của người này.

<sup>35</sup> Thời Nguyễn thuộc tổng Thịnh Quả, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh.

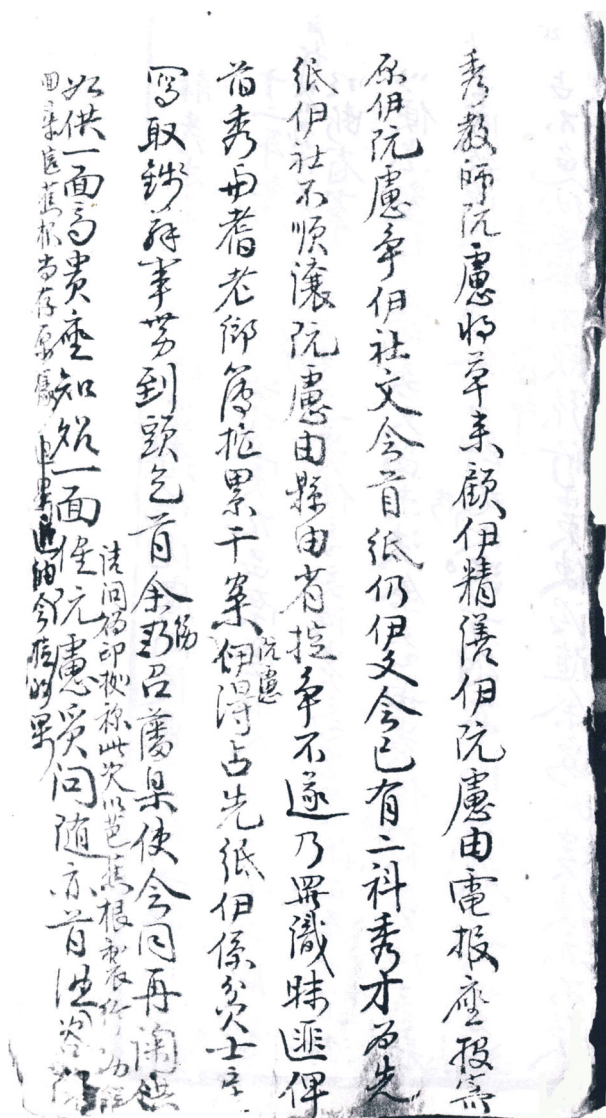
<sup>36</sup> Bản gốc viết chữ Hán là cấm-mi-xa, tức phiên âm từ chữ Pháp commissaire (de police): viên cấm cảnh sát, viên cò...

anh đội lính tập<sup>(37)</sup> [58] đến nơi phân xử. Viên đội đem lính đeo súng bắt dân phu gánh bọn trẻ ấy trở về Nam Kim, bảo bọn chủ nhà ra nhận. Bọn này cũng không chịu nhận. Bọn lính tập vào làng bắt lý trưởng biên nhận. Lý trưởng thấy bọn này hoành hành ức hiếp nhân dân, liền trói 4 tên lính tập, tước 3 khẩu súng. Bọn lính còn lại chạy về đồn báo, quan đồn đem 20 tên lính về Nam Kim bảo trả người và súng. Lý trưởng không nghe sai dân phu cố thủ. Quan đồn sai lính bắn bừa vào trong đình. Lý trưởng liền đem mấy tên lính bị trói cùng mấy khẩu súng đi giấu nơi khác.

Quan Đề đốc đồn Hoàn Sơn nghe tiếng súng đến cứu viện. Thấy tình hình như vậy, sai biên binh cùng với người làng về tỉnh báo. Lại chất vấn các tên lính tập bị giữ đều khai y như lời người làng Nam Kim. Khám xét thấy 2 người bị chết vì đạn, 5 người bị thương, 1 người rất nặng, 4 người khác mỗi người bị từ 2 đến 5 vết thương nhẹ. Lại khám xét trong và ngoài đình thấy 22 vết đạn. Đã hội đồng vẽ họa đồ, lập án, các quan Tây, quan Nam và tổng lý sở tại [61] đều ký và đóng dấu. Hai người chết, tạm chi công ngân giao thân nhân và hào lý sắm hòm và vải mai táng, các người bị thương thì bắt dân phu gánh lên nhà thương tỉnh điều trị. Người bị thương nặng cách ngày sau cũng chết. Khám xét trọn ngày đến chiều tối mới xong. Quan sứ đòi tôi theo đường Thịnh Quả trở về, ngang qua đồn Linh Cảm, quan sứ ghé vào cùng quan đồn nói chuyện, lát sau ra bảo rằng: “Người Nam Kim làm phi pháp khiến cho quan đồn đem lính đi tuần. Làng Nam Kim không tuân lệnh nên xảy ra việc này. Nay cần lưu quan Án ở lại đây cùng với quan đồn trở lại làng Nam Kim xét hỏi”. Tôi nói rằng: “Quan đồn Linh Cảm tự tiện đến Nam Kim [62] bắt dân chính là bên bị, không được cùng xét hỏi. Chỉ có quan Án và quan tòa án Tây mới được dự hội đồng xét hỏi”. Quan sứ nói rằng: “Thiểm chúc bàn ủy quan Án không được hay sao?”. Tôi nói: “Ủy hay không, tôi không dám hứa, xin trở về tỉnh diện trình Viện Cơ Mật bàn với Tòa Khâm sứ ban phiên chỉ dạy mới theo đó thi hành”. Quan sứ bắt đắc dĩ phải thuận cùng trở về. Tôi trở về tỉnh đem tình hình diện vào trình Viện Cơ Mật, sau đó nhận được bản lục nói rằng khoản này giao cho bề tôi ở tỉnh bàn với Công sứ cứu xét. Tòa Khâm sứ cũng giao 300 đồng, 3 người chết mỗi người được cấp 80 đồng, 3 người bị thương mỗi người cấp 20 đồng. Tôi bàn cùng Công sứ lần đi cứu xét này phải đòi lính tập và người làng Thịnh Quả đến chất vấn. Lời khai đại lược cũng như lời khai của người làng Nam Kim và bọn lính tập lần trước. Luận rằng: Viên thập trưởng lính tập giết người chiếu lệ côn đồ hung ác [63] xử khổ sai 13 năm, các tên khác bị lưu [đày] hay phạt đồ [giam], viên quan đồn Tây thì do Tòa Khâm sứ xét xử. Bản án được đệ về kinh chờ phúc.

Chỉ có bản án quan đồn Linh Cảm và lính tập gây chuyện, thì quan Công sứ muốn giảm nhẹ. Tôi kiên quyết theo luật lệ, quan Công sứ cũng không cưỡng lại, trình quý Khâm sứ hội thương với Viện Cơ Mật quyết định, viên quan đồn thì giao cho Hội đồng Bình chính Hà Nội nghị xử, các lính

<sup>37</sup> Nguyên văn viết là thập trưởng, người đội coi 10 lính.



Trang 67, quyển 4, vụ án Nguyễn Lữ tranh chức thủ chỉ Văn hội làng Nam Kim.

tập khác thì cho chuộc, chỉ giam viên thập trưởng. Tôi đã tâu chuẩn y<sup>(38)</sup> [64].

Lại nhận được Tòa sứ báo rằng: Hội đồng Bình chính Hà Nội xử quan đồn Linh Cảm bị cách chức, trục xuất về Pháp. Quan sứ báo: “Án này quá nặng”. Tôi nói rằng: “Theo luật nhà binh xử như thế là nặng. Còn chiếu theo hình luật thì xử như thế là quá nhẹ. Quan đồn vô cớ bắn chết 3 mạng mà chỉ miễn chức thì có nặng gì”. Quan sứ nói: “Quan tòa án cho là quan đồn chỉ do hoảng hốt mà làm sai, chứ không cố ý”.

Lại nhận được điện báo quan Tham biện hạng nhì là Sa-Tiên<sup>(39)</sup> được bổ làm Công sứ Nghệ An, quan Sân-Bô-Lạp vẫn làm Phó công sứ. Quan Công sứ mới vừa đến đã chỉnh đốn công việc, dần có trật tự, thực hiện chính sách khoan hồng, việc hội thương mới nhanh chóng, tôi mới vui vẻ hợp tác.

Hội Quảng tri mời tôi làm Hội trưởng danh dự, tôi thuận nhận, bàn định chương trình, ngoài các khóa giảng thường xuyên, còn mời các nhà chuyên môn về công chánh, thương chánh, lâm chánh chia phiên giảng dạy, tóm tắt các môn dịch ra

<sup>38</sup> Sự việc này được *Thực lục Đế thất kỷ* chép như sau: “[Khải Định năm thứ 8, 1923]... Nhân dân xã Nam Kim (thuộc tỉnh Nghệ An) bị quan binh đồn Linh Cảm xả súng bắn khiến nhiều người chết và bị thương (chết 8 người, bị thương 4 người)... Bề tôi ở Viện [Cơ Mật] bàn bạc xong phúc đáp cho quan tỉnh Nghệ An là bọn Tôn Thất Đàm tra xét thi hành. Về sau tỉnh ấy tư nói đã nhận điện văn của Khâm sứ đại thần nói xin chiếu theo khoản chi gấp cấp cho thân nhân 8 người bị bắn chết... đều 100 đồng, những người bị thương đều 20 đồng (cộng 880 đồng), đã sức cho huyện viên Nam Đàn tới tận nơi cấp phát... Về sau tỉnh ấy đệ bản án lên Cơ Mật Viện thẩm duyệt (tháng 3 năm Khải Định thứ 9) nghĩ những lính tập nổ súng là Lê Ý, Nguyễn Cần, Phạm Dương (khai man là ăn cướp) đều kết án 100 trượng, đầy đi 3.000 dặm đổi thành khổ sai 9 năm, Phạm Huy Gia (Chánh tổng) kết án đánh 80 trượng, bắt giam 9 tháng. Tới như quý quan đồn theo lẽ phải chịu tội thì xin do quý Tòa nghiêm trị, đã qua bàn bạc ý hợp bèn dâng phiên tâu lên, vua chuẩn theo lời bàn”. *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 431-432.

<sup>39</sup> Túc Yves Charles Châtel, sau làm Khâm sứ Trung Kỳ (1931-1934).

chữ Quốc ngữ để học sinh biết được việc cần dùng hàng ngày, sức cho trong hạt người nào biên soạn sách nông nghiệp đệ trình, xét ra thi hành được thì đề nghị khen thưởng. Tôi hiểu thị các quan phủ huyện, thân hào kỳ lão, tổng lý khuyên nên lập “xã thương”,<sup>(40)</sup> lập hội trợ học, lại sức khám xét cầu cống, đường sá, các sông hới vệ nông trừ liệu sửa chữa, khơi thông để nông thương thuận tiện.

Tri huyện Nghi Lộc là Lê Thước bị can về khoản dân kiện, tang chứng còn nghi ngờ, tôi bàn tư về bộ, xin viên ấy đổi về Can Lộc [59], đem Tri huyện Can Lộc là Nguyễn Trác điền thế làm Tri huyện Nghi Lộc.

Tri huyện huyện Nghĩa Đàn Phan Văn Lang bị ông quan đồn Nghĩa Hưng tố giác là ăn hối lộ, quan Công sứ đã tư cho quan Tổng đốc tiền nhiệm triệu hồi về tỉnh tạm sung làm hậu bổ để cứu xét, lại đem viên hậu bổ Nguyễn Trình quyền nhiếp việc huyện. Tròn một năm cứu xét vẫn không xong, xin để lại. Tôi đòi các nhân chứng đến xét hỏi mới biết là quan đồn vì hiềm thù riêng mà dựng chuyện, chứ Phan Văn Lang vô can, bèn tư với Tòa sứ, trình về bộ cho phục chức làm Tri huyện. Bộ đã chuẩn y.

Một tháng trước tôi nhận được tờ tư của Viện Cơ Mật nói rằng nhận được tờ mật báo của Tòa Khâm sứ nói có người đưa thư báo cáo người làng Nam Kim trong hạt mưu đồ nổi loạn, thông đồng với dư đảng Hoàng Hoa Thám nhận ngụy chức, có đủ bằng sắc giấy tờ rõ ràng, Viện đã vâng phiên chuẩn giao cho tỉnh cứu xét [65]. Tôi xem kỹ bằng sắc giấy tờ thì nghi là do hiềm thù mà bày đặt ra, bèn cất thư vào rương, không cho nhân viên trong dinh biết và mật phái người dò xét. Cách 5, 6 ngày nhân ngày phiên chợ Vĩnh,<sup>(41)</sup> gia nhân là Lê Quang Thiện đi chợ nghe ngóng, gặp hai người đang nói chuyện với nhau. Ất hỏi Giáp rằng đã thấy huyện tỉnh có trát nã bắt chưa? Giáp trả lời chưa. Ất hỏi: Hay là thư ấy thất lạc không tới? Giáp bảo: Tôi gửi bảo đảm, có biên lai, làm sao mà thất lạc. Lê Quang Thiện liền trở về thuật lại. Tôi phái thêm người thư ký<sup>(42)</sup> là người địa phương đi theo Lê Quang Thiện lại tới chợ xem mật. Lát sau trở về mật bẩm: Một người là Hồ Sĩ Thao, học trò ở Hà Tĩnh, trước có làm thư ký ở Ty Án sát [66] năm nay bỏ về quê không trở lại. Một người là Tú tài giáo sư, người làng Nam Kim, năm trước đã làm đơn kiện người làng ấy, nhiều lần đến tỉnh. Y quen mật nhưng không biết tên. Tôi bèn cho người thư ký ấy 1 đồng, dẫn đến chợ phiên gặp Hồ Sĩ Thao mời ăn uống chuyện trò, rồi theo sau y về tận nhà dò xét, tùy cơ mà lấy giấy tờ chữ viết của Sĩ Thao. Y tuân hành. Đến chiều y đem về một tập giấy tờ. Tôi đem so sánh với chữ viết trong thư tố cáo do Tòa Khâm giao lại cho Viện, thì thấy phù hợp, liền mật đòi Hồ Sĩ Thao đến chất vấn. Y thú nhận, khai tờ thư và các bằng cấp ngụy, trát ngụy đó đều là do Tú tài giáo sư [67] Nguyễn Lự người làng Nam Kim thảo ra, thuê y viết tinh. Nguyễn Lự đã gửi cho Tòa Khâm. Nguyễn Nguyễn Lự tranh giành chức thủ chỉ của Văn hội làng y, nhưng Văn hội ấy đã có người đỗ hai khoa Tú tài làm tiên chỉ, nên làng ấy không thuận nhường cho y. Nguyễn Lự đã kiện lên

<sup>40</sup> Túc kho thóc dự phòng của làng.

<sup>41</sup> Túc về sau gọi là Vinh. Địa danh này có nhắc lại ở sau, cũng như thế.

<sup>42</sup> Nguyên văn dùng từ “bút sĩ”, tạm dịch là thư ký.

huyện lên tỉnh để tranh giành nhưng không được, bèn thêu dệt chuyện này để cho viên cựu Tú tài, và các kỳ lão, hương bộ bị can án, còn y sẽ chiếm ngôi tiên chỉ. Y [Hồ Sĩ Thao] chỉ là học trò nghèo, viết thuê để lấy tiền. Nay sự thế bị phát giác ra, xin thú nhận. Tôi sức quan Bố chánh, Án sát hội đồng thẩm xét cũng y như lời cung, bèn một mặt gửi tờ tư thương cho Tòa Công sứ biết rõ, một mặt đòi Nguyễn Lự đến chất vấn, y cũng thú nhận. Hỏi về án ngục đóng ở giấy tờ, y khai là đã lấy gốc chuối gọt làm. Bắt y về tìm gốc chuối ấy, đem so ra đúng thực. Tôi trình về Viện [68] tước bằng Tú tài và hàm cửu phẩm, tống giam, xử tội “giảo giam hậu”,<sup>(43)</sup> Hồ Sĩ Thao 12 năm khổ sai, Lê Quang Thiện và viên thư ký được thưởng cửu phẩm. Người làng Nam Kim vô can, nghe thế đều phục tôi xử đoán sáng suốt, đã giải việc tỉnh còn rành việc huyện.

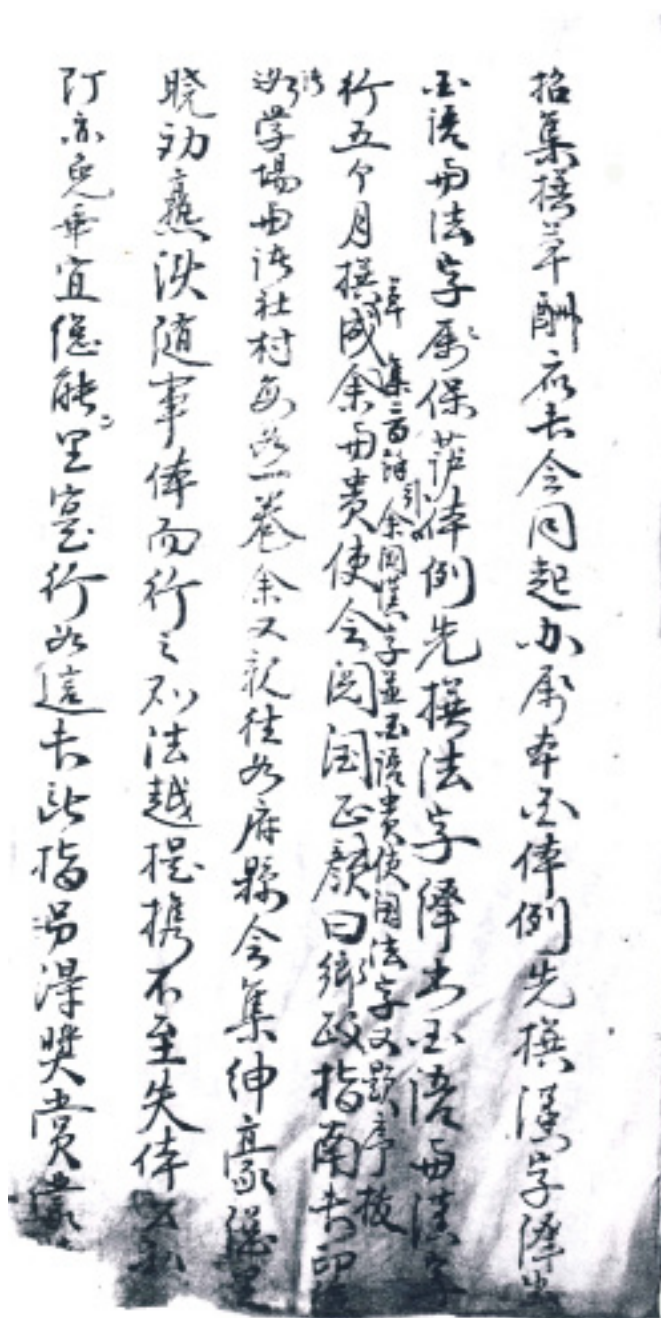
Hộ Bộ tư về khoản bán đất quan phòng [đất được nhà nước trưng dụng]. Quan sứ hội thương giao các đơn của người Pháp xin khai khẩn ruộng đất hoang ở vùng thượng du trong tỉnh để tiện trưng khẩn, sức xét nhiều đơn tồn đọng đã lâu chưa giải quyết. Tôi bàn với quan sứ hiểu thị các quan làm cho có kết quả mới thuận nhân tình. Tôi cân nhắc xử trí sao cho trọn vẹn, nếu lấy quyền thế cưỡng chiếm không khỏi sinh chuyện lôi thôi về sau, thì tôi không muốn cưỡng làm. Quan sứ nói tùy tôi liệu xử, quan sứ cũng không muốn [69] bắt buộc. Tôi theo thứ tự khám xét khu xử, có khi thu hẹp diện tích, có khi phụ cấp thêm tiền bạc cho dân. Quan sứ đồng ý, nhân dân đều được thuận thỏa, đất hoang được khai khẩn ngày càng nhiều.

Quan huyện Nghi Lộc là Nguyễn Trác hiểu dụ khuyến lập xã thương, toàn huyện có 8, 9 làng thành lập, đem sổ bộ, chương trình xin duyệt. Tôi hội thương cùng quan sứ tán thành. Trong hạt hân hoan cổ vũ. Lại lập Hội Khuyến học Nghi Lộc, đem chương trình bẩm duyệt. Tỉnh và tòa sức đều phúc y. Các phủ huyện Hưng Nguyên, Diễn Châu, Thanh Chương, Yên Thành, Quỳnh Lưu đều lục tục khuyến hiếu, mỗi hạt cũng có năm ba làng vui làm. Tôi thấy quan sứ có lòng khai hóa bèn bàn với Hội Quảng tri [70] mời quan sứ làm Hội trưởng chủ trương của hội ấy, còn tôi làm phó. Mỗi tháng vào ngày nghỉ họp một lần.

Lại vì trong hạt các thân hào tổng lý vốn quê mùa, cầu thả, mỗi khi gặp việc công thì khiếp sợ, ứng đối phần nhiều không hợp, cần soạn ra sách “Công tư thù ứng yếu lược” cho tiện, bèn bàn với quan sứ, quan sứ đồng thuận, thiết lập hội đồng biên soạn. Hội đồng này gồm các nhân viên của tỉnh, tòa và các ty Học chánh, Công chánh, Thương chánh, Nông chánh, Lâm chánh, Bưu chánh cho đến cả Ngân khố, Hỏa xa, mỗi công sở chọn vài người lão luyện hẹn đầu xuân sẽ bắt đầu soạn.

Năm Khải Định thứ 9 [1924] đầu xuân tôi được dụ chuẩn Tổng đốc An Tĩnh thực thụ. Sau lễ bái mạng, nhân thết tiệc mừng [71] đã mời hội đồng soạn thảo sách “Thù ứng” bắt tay làm. Về thể lệ của nước ta thì trước tiên soạn bằng chữ Hán, rồi dịch ra chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Về thể lệ của bảo hộ thì trước hết soạn bằng chữ Pháp rồi dịch ra Quốc ngữ và chữ Hán, trong 5 tháng soạn

<sup>43</sup> Xử tử bằng cách thắt cổ, nhưng còn chờ.



Trang 71, quyển 4, kể chuyện tác giả tham gia biên soạn sách “Hương chính chỉ nam thư”

nước có dụng tâm riêng, tôi không xin lại nữa.

Các làng Quỳnh Tụ, Quỳnh Văn, Thạch Động thuộc tổng Thanh Viên, huyện Quỳnh Lưu có một khoảnh ruộng hoang hơn hai ngàn mẫu liền nhau, bị ngập nước mặn, từ trước quan trong hạt [73] nhiều lần xin khẩn không xong. Cũng có người xin đắp đê canh khẩn, nửa chừng bắt lực đành để hoang hóa thật đáng tiếc.

thảo xong, thành sách gồm 200 tờ. Tôi và quan Công sứ hợp duyệt nhuận sắc. Tôi nhuận sắc phần chữ Hán và chữ Quốc ngữ, quan Công sứ nhuận sắc phần chữ Pháp và đề tựa,跋, đặt nhan đề là “Hương chính chỉ nam thư”, ấn hành cấp cho các trường học và các làng thôn mỗi nơi một quyển. Tôi lại đích thân đến các phủ huyện hợp các thân hào tổng lý khuyên hiểu đọc kỹ để theo sự thể mà làm theo, thì Pháp-Việt đề huề, không đến nỗi mất thể thống, việc công việc tư thi hành cũng khỏi sai phép tắc. Tổng lý nào thực hành được như sách này thì được thưởng, người mê muội chẳng biết [72] thì bị phạt. Người có lòng tiến bộ phần nhiều thích đọc. Tôi lại làm tờ tư trình Viện Cơ Mật và đệ lên 10 quyển sách để Viện khảo duyệt trình lên ngự lãm và xin chi 400 đồng công ngân để ấn hành thêm. Viện Cơ Mật ngẫm lại chẳng nói gì. Tháng 2 năm ấy tôi được chọn về kinh dự lễ tế Nam Giao, sung làm phân hiến ở án tả nhị, mới tận mặt trình với Viện trưởng Nguyễn Phước Môn [Nguyễn Hữu Bài] và quan lớn Bộ Lễ Hồ Khánh Mỹ [Hồ Đắc Trung]. Ý hai ngài đều lạnh nhạt, nên việc xin ấn hành thêm không được, mới biết rằng các quan lớn lo việc

Nhân có Trần Hiến Bạch người làng Trình Phố, tỉnh Nam Định, có bà con bên ngoại tại làng Quỳnh Tụ đã đầu đơn lên tỉnh xin nhận trưng, nguyện bỏ ra 15 vạn đồng bạc đắp đê xây cống và khơi kênh tiêu nước mặn, dẫn nước ngọt vào, cam kết trong 3 năm khai khẩn xong cả toàn khoảnh thành ruộng nộp thuế. Tôi muốn nhanh chóng khai hoang để tăng thuế khóa nhà nước, nên bàn với quan Công sứ y cho, phái người khám đạc, vẽ họa đồ, đính vào tờ tư gửi Bộ Hộ duyệt phúc. Quan lớn Bộ Hộ là Phạm Văn Thụ vốn biết Trần Hiến Bạch đã từng am hiểu việc khai khẩn ở Bắc Kỳ, đã lập xong [74] 2 sở đồn điền bốn năm ngàn mẫu, nên Bộ Hộ đã thuận ý.

Ngày tháng 6 quan Công sứ Sa-Tiên [Châtel] đổi sang làm Tham biện hạng ba, quản lý phủ Toàn quyền, ông Ti-Bô-Đô [Thibaudeau] đến làm quyền Công sứ, Phó sứ Sân-Bô-Lạp đổi đi làm đại lý quận Na Bê.<sup>(44)</sup> Chính lệnh có chút thay đổi. Trần Hiến Bạch bỏ tiền đắp đê mười phần đã được tám, nhân viên ở Tòa Công sứ là Lê Xuân Phát yêu sách không thỏa bèn dèm với quan Công sứ bàn bác đi, chỉ cho nửa khoảnh. Số đất phì nhiêu dễ canh khẩn thì định giao cho dân làng nhận trưng. Trần Hiến Bạch khiêu nại. Tôi hội thương bàn rằng: “Ruộng hoang ở vùng sơn cước lần lượt khai phá dễ, còn ruộng hoang ở ven biển phải đắp đê để ngăn nước mặn mới có thể làm [75]. Thuê nhân công đắp đê phải là người có vật lực lớn, bền lòng quyết chí mới mong thành tựu. Nếu thiếu nhân công thì cũng chỉ là bỏ dở nửa chừng, cuối cùng không có kết quả. Khoảnh đất này từ trước bỏ hoang cũng vì lẽ đó. Hiện đã được Bộ Hộ phúc y, nay lại thay đổi sợ rất bất tiện, xin quan quyền Công sứ lại đi cùng tôi khám xét. Tôi chỉ đem sự thực biện bạch, không có uẩn khúc gì”. Quan quyền Công sứ có chút bất bình, tôi cũng phó cho vô tâm. Phàm làm việc chỉ giữ công lý. Quan quyền Công sứ muốn bênh vực giáo dân, nhưng làm việc lầm lẫn.

Ngày tháng 9, kính gặp đại lễ Vạn thọ tứ tuần, tôi ra lệnh cho các quan và phủ huyện chỉnh bị lễ vật, luyện tập cho các ca nương, soạn các lời ca, trù liệu lên kinh chúc thọ. Gần ngày đại lễ, tôi đội ơn [76] chuẩn về kinh lạy mừng. Tôi cùng các vị thủ hiến đến Tòa Khâm sứ thăm quan Khâm sứ đại thần Lê-Phong,<sup>(45)</sup> lúc hội kiến đã nói qua có gặp tôi một lần, dặn tôi ở lại chuyện trò. Các Tổng đốc và Tuần vũ khác đều lui ra, quan Khâm sứ đại thần dắt tôi vào thư phòng, nói rằng: Ngài đã nhận được thư của [quyền] Công sứ Nghệ An Ti-Bô-Đô nói rằng tôi làm việc nghiêm khắc, mỗi việc đều muốn tự chuyên, khi hội thương thì nhiều việc bất đồng ý kiến với quan quyền Công sứ, mỗi khi làm việc đều không đồng lòng hợp tác, sợ rồi đây công việc có nhiều trở ngại, nên tôi cần xét kỹ chớ khá diềm nhiên bất tiện. Tôi nói: Quan quyền Công sứ nói ý kiến bất đồng và không chịu hợp tác là chỉ chuyện gì, xin đại thần chỉ rõ [77] cho từng việc. Quan Khâm sứ nói: “Quan quyền Công sứ không chỉ rõ việc

<sup>44</sup> Nguyên văn chữ Hán 那陸郡. Chúng tôi chưa xác định được địa danh này.

<sup>45</sup> Túc Aristis Eugène Le Fol, nguyên là Công sứ Nghệ An, sau lên quyền Khâm sứ Trung Kỳ từ 21/1 đến 28/8/1924, rồi Khâm sứ Trung Kỳ từ 1928-1931. Trong dịp lễ Tứ tuần đại khánh của vua Khải Định (24/9-4/10/1924) cũng là lúc Pierre Marie Antonie Pasquier nhậm chức Khâm sứ Trung Kỳ lần thứ hai (28/9/1924-4/10/1926).

gì, chỉ than thở là ngài không biểu đồng tình mà thôi.” Tôi lại nói: “Tôi lạm đội ơn Hoàng đế đã bàn cùng với quý bảo hộ ủy tôi trọng trách, tôi ngày đêm lo lắng siêng năng làm tròn chức phận của mình, cùng với các Công sứ qua lại gần tròn hai năm, đem hết lòng nhiệt thành cộng tác, mong tuyên dương đức ý, vỗ yên dân một phương, tất phải giữ gìn công lý, chẳng hề phân biệt, phò chánh trừ tà, hưng lợi trừ hại, không dám có chút thiên vị riêng tư. Trước nay công vụ đều được ổn thỏa, quan sứ Ti-Bô-Đô cùng tôi đồng sự 3 tháng, chưa thấy ngay trước mặt có lời gì khác. Nay không biết vì lý do gì có những lời nói sau lưng như vậy. Xin đại thần tư hỏi quan quyền Công sứ từ khi tôi đến lý sở tới nay, phạm các mệnh lệnh của quý bảo hộ tôi có [78] chậm trễ trở ngại việc gì không. Trộm nghĩ nếu tôi không chịu hợp tác thì chính trị làm sao mỗi việc đều nên mối. Quý sứ có lời oán thán như vậy thì sau lễ khánh tiết này, tôi xin lưu lại kinh đô, xin đại nhân bàn với Viện Cơ Mật vâng chỉ phái hội đồng cùng đến điều tra cho rõ thực hư”. Quan Khâm sứ nói: “Không! Không! Bốn chức lấy tình bằng hữu nói riêng với ngài như thế, xin ngài đừng giận và tiết lộ ra”. Tôi nói: “Quan quyền Công sứ đã nói lời này tức tôi là người bất hảo, còn mặt mũi nào trở lại đó nữa”. Quan Khâm sứ lại nói: “Đừng nóng giận, đừng thối chí. Bốn chức không phải là vội nghe lời quyền Công sứ, bốn chức vốn biết ngài là vị quan Nam tốt, đối với bảo hộ đã có lòng thành tín, siêng năng lo việc [79], vừa thấy thư này bốn chức đã ngạc nhiên, gặp ngài đến đây thuật lại để khởi hoài nghi. Ngài đã nói rõ, bốn chức cũng đã giải bày xong, sẽ có thư tay cho quan quyền Công sứ bảo đừng nghe lời dèm pha. Ngài cũng đừng để ý đến việc mâu thuẫn nữa. Bốn chức mong ngài trở về tốt đẹp. Đó là bốn tâm của tôi vậy, ngài lượng xét cho”. Tôi cảm tạ mà lui ra.

Phán sự Lê Thanh Cảnh thông dịch xong ra nói rằng: Sao quan lớn can đảm cương quyết đến thế, tôi chưa thấy ai như vậy. Nếu mọi người đều như quan lớn thì quan trường đâu đến nỗi sa đọa. Tôi cười nói: Tôi chỉ khéo nuôi dưỡng chí khí hào nhiên của tôi mà thôi.

Ngày đại khánh, ngài Sa-Tiên [Châtel] và Toàn quyền đại thần [Martial Henri Merlin] đến kinh dự lễ, [ngài Sa-Tiên] tìm tôi hỏi rằng: Ngày nào trở về tỉnh? Tôi nói: Sẽ tuân chỉ chứ chưa dự định. Lễ chúc thọ xong, tôi xin lưu lại nhà tuần nhật để lo liệu hôn sự của con trai đầu là Đỗ.

Lễ mừng xong, rộng thưởng cho bề tôi. Tôi đội ơn được thưởng kim khánh hạng nhất có dây tua bằng ngọc. Việc cung tiến lễ vật cũng được ân thưởng.

[80] Ngài Sa-Tiên trở lại làm Công sứ Nghệ An. Quyền Công sứ Ti-Bô-Đô đổi sang làm Công sứ tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi quý Khâm sứ đại thần cùng tôi nói chuyện, liền có thư trách Ti-Bô-Đô. Ngài Sa-Tiên nghe được việc này liền gọi thư giục tôi trở về lý sở. Trong thư nói rằng ông ta và Ti-Bô-Đô bàn giao đã xong, Ti-Bô-Đô đã trở về Hà Tĩnh. Khi tôi đi ngang qua, nên ghé thăm để trọn vẹn tình hữu nghị. Quan Khâm sứ đại thần cũng giục tôi sớm đến chuyện trò. Nhưng tôi vì việc nhà chưa xong, và thấy khí sắc anh cả khá mệt, không nỡ vội từ biệt, xin triển hạn thêm tuần nhật nữa, quý Khâm sứ chỉ cho 3 ngày. Năm ngoái anh cả tôi mắc chứng đau ruột, quan thầy thuốc Tây giải phẫu điều

trị, điện cho tôi [81], tôi ngần không kịp, sau đó ung độc đã hết nhưng da thịt chẳng tốt. Ngày tháng 2 tôi trở về thăm, thấy con út của anh cả là Tôn Thất Tuấn lưu lạc thất học, tôi trình xin đem về lý sở nuôi dưỡng để tiện cho theo học. Anh cả nói: Em cứ liệu định, anh không biết nói gì. Anh cả thường ngày đứng đưng không nghe lời can ngăn, tôi kêu khóc nhiều phen, chưa từng cảm động. Lần này bộc bạch tình nhà, phần nhiều hối lỗi. Tôi lấy tình cốt nhục an ủi ủy lạo, xin gánh vác việc nhà, để cho anh cả di dưỡng tuổi trời, không cần nhọc lòng. Nghe lời anh cả nói tốt đẹp, tôi lo nghĩ, dặn dò con cháu khéo lo phụng dưỡng [82]. Đến lúc đó anh lại thấy mệt, tôi quyến luyến không nỡ đi. Nghĩ việc công không quên việc tư, lần nữa năm ngày mới lên đường trở lại lý sở. Đến trước cổng huyện Cẩm Xuyên đã thấy một chiếc xe hơi đứng đợi. Người được phái trình với tôi rằng: Quan Công sứ Hà Tĩnh sức đem xe đón đại nhân vào Tòa sứ nói chuyện. Tôi hiểu ý lên xe vào Tòa sứ. Ti-Bô-Đô ra cổng đón tiếp vui vẻ, bà phu nhân cũng đến thăm hỏi ân cần. Tôi hàn huyên hỏi về ngài Sa-Tiên, và không hề nói đến chuyện gởi thư. Phu nhân đãi trà, chuyện trò chốc lát, tôi cáo từ. Quan sứ sức xe hơi của tòa đưa đến Bến Thủy, hẹn tuần sau đi Nghệ An thăm đáp lễ. Tôi vào dinh Tuần vũ, các quan tỉnh đường hội kiến, hỏi được hiện tình [83] tốt đẹp, lại lên xe đến Bến Thủy, 7 giờ tối đến tỉnh, ủy người hẹn hôm sau sẽ đến Tòa sứ, quan sứ hẹn 7 giờ rưỡi sáng tiếp kiến. Đúng giờ tôi tới tòa, quan Công sứ cầm tay tôi liền hỏi hôm qua có ghé Ti-Bô-Đô không? Tôi trả lời: Có. Quan sứ nói: Tốt. Lại nói: “Ti-Bô-Đô vốn là lương thiện chất phác, hiềm vì nông cạn hẹp hòi chưa thoát khỏi bị dèm pha đối trá, chẳng cần trách nhiều. Tôi đã nhiều lần chỉ ra chỗ kém cỏi, về sau cũng có thể dùng được. Tôi cách mặt 3 tháng, việc làm của y đã có chuyển hơi trái tôn chỉ. Chúng ta sẽ bàn bạc cùng sửa chữa các việc về trước, rồi lần lượt làm tiếp, cốt cho có kết quả. Chúng ta đồng tâm giúp cho xong xuôi, lòng chính đại quang minh không ngại [84] lời dèm pha. Dầu có dèm pha cũng không chút dao động”. Tôi nói: “Tôi đến lại nơi này khảo sát hiện tình so với hai lần trước,<sup>(46)</sup> tôi đã thân hành mắt thấy có biến đổi thật lù. Nếu mà tuần tự đợi chờ sợ có phương hại đến chính thể, mà việc trị an sơ hở sợ có nguy cơ. Tính tôi vốn lo xa, muốn quét sạch thói tệ cũ, nắm vững pháp luật, ít tình cảm, ắt bị dèm pha, nhưng tôi cũng xử trí xem xét. Thà vì trung thực chân thành mà bỏ quan, không thà vì cầu thả dựa vào kẻ a dua để làm lỡ việc nước. Thư của quyền Công sứ không ra khỏi điều dự liệu ngày trước của tôi, cũng không đáng trách”. Công sứ nói rằng: Tốt. Lại nói đến đơn xin trưng khẩn của quý thương gia và bàn đến việc Trần Hiến Bạch trưng khẩn. Quan Công sứ hẹn [85] ngày cùng đi đến tận nơi xem xét. Bàn bạc đến 11 giờ rưỡi mới thôi. Tôi trở về tỉnh, Bố chánh và Án sát trình rằng việc tạm quyền chỉ lo các công vụ khẩn cấp, còn án kiện đều đợi tôi quyết định. Tôi sức hai ty Bố, Án xem xét chọn ngày khai hạ làm tiệc khoản đãi quý quan, bàn với các quan phủ huyện tổ chức ca múa một ngày đêm. Việc tổ chức lễ mừng tốt đẹp, chu tất.

Trung tuần tháng 10, quan Công sứ cùng tôi đi hành hạt, đến huyện Quỳnh Lưu lấy thuyền đi đến Sông Mai [Nguyên văn “Mai Giang”] khám xét,

<sup>46</sup> Tôn Thất Đan từng làm Tri phủ Diễn Châu năm 1907, rồi Bố Chánh Nghệ An năm 1917.

thấy Trần Hiến Bạch đắp đê mới dài 1 vạn 3 ngàn mét [Nguyên văn “Tây xích”], cao 5 mét, bề mặt rộng 3 mét, chân rộng 7 mét, đóng cừ kiên cố. Hỏi công phí bao nhiêu, trả lời hết mười ba vạn đồng. Quan Công sứ rất khen ngợi, nói rằng: Không ngờ tên này có nghị lực ấy [86], phải làm đảm bảo cho các chủ khẩn trưng được vay tiền để khởi công. Trong mấy tháng, việc trưng khẩn đất trên hai mươi sở. Mỗi sở thì phủ huyện tổng lý thu đến ngàn đồng. Tôi cùng Công sứ đi qua các hạt. Quan sứ hiểu thị khuyên nhân dân trồng trọt. Tôi hiểu thị khuyên các bậc cha mẹ cho con em 7 tuổi học chữ Quốc ngữ, đến 12 tuổi cần phải am hiểu viết, đọc và bốn phép toán đủ để cần dùng. Phàm cho con em theo học cần chiếu theo giàu nghèo. Nhà nào có đủ tài lực vốn liếng có thể học đến tốt nghiệp trung học, đại học thì mới cho con em học Pháp văn, nếu nhà nào không kham đường dài nên cho học chữ Quốc ngữ, toán pháp đủ dùng bình thường và theo các ngành thực nghiệp như nông, công, thương tùy tiện mưu sinh. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, mới thấy kết quả. Chớ khá tất thấy đều học làm quan, nửa chừng bỏ dở, dầu than oán [87] hối hận cũng chỉ là vô ích. Công sứ nhìn tôi cười mỉm.

Tháng 12, nhận được bản lục của Viện Cơ Mật nói rằng: Dân Thừa Thiên và Quảng Nam bị đói, bề tôi đã dâng khải tâu, được vâng châu phê rằng: “Trẫm tức vị đến nay, kính trời noi theo tổ, siêng năng chính trị, thận trọng hình pháp, chưa từng dám vui chơi phóng túng, động đến trời giận, cố sao thân thể tật bệnh triền miên, quốc dân chưa được yên ổn, tai ương chồng chất, đói khổ nghe khắp. Trẫm đêm ngày suy nghĩ đó là vì sao?”. Các bề tôi trực đã dâng phiến phúc, lại được châu phê rằng: “Hãy gởi lục khắp các địa phương, đều đem hết ý kiến phúc tấu, để trên dưới sửa sang, vãn hồi ý trời. Khâm thử”. Lúc bấy giờ hạt Nghệ An lại có nạn gió bão, chìm mất 5, 6 chiếc thuyền đánh cá, chết đuối 9 người. Tôi vừa tư lên bộ [88] báo tin tai vạ, nhân làm sớ, trước hết để thỉnh an, sau nữa là nhận lỗi. Đoạn sau của sớ có trình bày rõ việc then chốt của chính trị là ở chỗ có được người. Việc điều hòa âm dương, đòi hỏi ở Tể tướng, xin thận trọng chọn bậc Tể tướng ủy cho nên việc để giải nỗi lo của thánh thượng, đem lại ơn phước của trời. Quan lớn Bộ Lại thấy lời ý khẩn thiết, nói rằng: Thánh thể bất an, chương sớ dài dòng, dâng lên bất tiện, bèn sức cho Tham tri Bộ Lại cắt bớt đoạn sau. Cách cả tháng vẫn ngâm sớ không báo. Tôi lại tiếp tục dâng phiến xin lục. Quan lớn Bộ Lại cũng dặn bề tôi ở Nội Các chậm dâng lên.

Đầu xuân năm Khải Định thứ 10 [1925], Bố chính Lê Hoàn được thăng thự Tuần vũ Phú Yên, Thị lang Bộ Công là Nguyễn Đình [89] Tiến đến thay. Quan lớn Bộ Lại dặn nói rằng: “Hiện nay Hoàng đế se mình [Nguyên văn “vi dạng”] phải đình việc dâng phiến sớ, trừ mấy dòng thỉnh an sẽ do nội thần đọc ra, còn tấu sớ dài dòng không nên dâng lên làm phiền nhọc thánh thể. Tấu sớ tháng Chạp vừa qua quá dài, chưa dám dâng lên, thánh thể hơi yên sẽ dâng lên”. Tôi biết việc ngăn chặn đường ăn nói, nên bàn xin nghỉ tuần nhật dâng phiến xin vào hầu, điện trả lời không chuẩn. Tôi rất ấm ức.

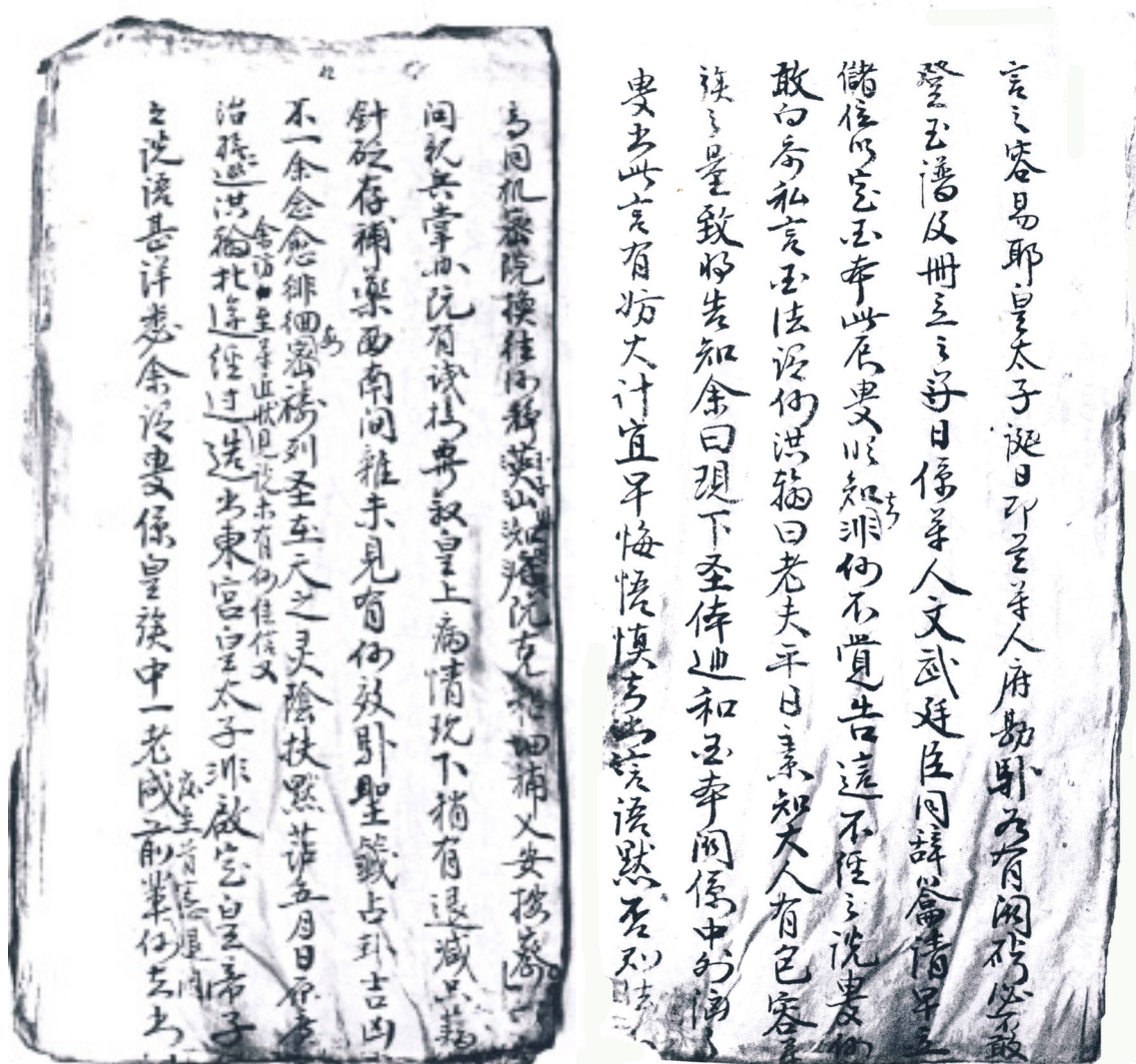
Ngày tháng 4, quan Khâm sứ đại thần đi Hà Nội, buổi trưa dừng ở Tòa Công sứ Vĩnh [Vinh], tôi đến thăm hỏi, được nghe nói rằng: Hoàng thượng

bệnh tình chợt giảm [90] chợt tăng, quan Khâm sứ đến thăm có lúc không thể nói chuyện lâu. Chỉ có hai quan lớn Bộ Lại, Bộ Lễ được vào vấn an, còn quan lớn các bộ khác chỉ tới phòng trực vấn an mà thôi. Nếu như Tổng đốc có được phép về kinh cũng chỉ được nói chuyện với thị vệ, uống phí thời gian. Tôi rất lo lắng, mỗi tuần điện vào Văn hộ giá Nguyễn Hữu Tý để thỉnh an, đều được phúc đáp là an. Quan Khâm sứ khuyên tôi chuyên tâm vào việc dân chính và sự động tĩnh của tình hình. Còn việc triều đình đã có Viện Cơ Mật đảm đương, không cần lo lắng. Tôi trả lời: “Biên quận và triều đình cùng là trong ngoài. Hoàng đế sắc tìm lời nói thẳng ắt có lòng hối ngộ cho kịp thời nay, làm sao chuyển họa thành phúc, chuyển tai dị thành điềm lành, làm kế trị an lâu dài [91] vậy. Nhưng nay đại thần muốn che sự nghe biết, lấp đường ngôn lộ, thì việc phải như thế nào?” Quan Khâm sứ nói rằng: “Thực khó nghĩ kế, hai quan lớn Bộ Lại, Bộ Lễ ắt không cho đại nhân thân cận Hoàng đế, lại còn thánh thể mệt nhọc, đại thần muốn lo cho hoàng gia cũng chẳng thi hành được, muốn nói thẳng cũng chẳng bổ ích gì”. Tôi nói: “Nếu thế, tôi phải làm sao?”. Quan Khâm sứ nói: “Giữ gìn trị an một tỉnh cũng đủ vậy”. Tôi cũng không biết phải làm sao, chỉ cầu mong Hoàng thượng sớm khỏe mạnh, bèn trai giới đến Võ Miếu cầu đảo ba đêm.

Án sát Phạm Bá Phổ nói năng thô vụng, tính lại hiếu kỳ, đồng liêu oán thán. Quan Công sứ đã tư đổi bỏ [92]. Quan Khâm sứ bàn cùng Viện Cơ Mật đổi đi Hà Tĩnh. Tư nghiệp Quốc Tử Giám là Nguyễn Khắc Niêm được bổ thay thế chức Án sát Nghệ An.

Tôi hỏi Chương vệ Thân binh là Nguyễn Hữu Tiễn được phúc rằng: “Bệnh tình Hoàng thượng hiện đã giảm bớt, chỉ dùng châm chích, còn bổ thuốc Tây thuốc Nam lúc này lúc khác vẫn chưa thấy công hiệu, xin xăm thánh xem quẻ thì cát hung bất nhất”. Tôi càng nghĩ càng bồi hồi, mỗi khi mật đảo đều xin liệt thánh trên trời linh thiêng phù hộ.

Ngày tháng 5, nguyên Tuần vũ Quảng Trị là Hồng Hàn ra Bắc đi ngang qua, tôi hỏi tình hình của Hoàng thượng có tin tốt gì không, lại nói ra: Đông cung Hoàng thái tử không phải là con của Hoàng đế Khải Định, lời nói rất rõ ràng. Tôi nói: “Cụ là bậc tiền bối lão thành của Hoàng tộc (làm quan tới thủ hiến, cáo lão), cơ sao [93] lại nói dễ dàng thế? Ngày sinh của Hoàng thái tử đã trình cho Phủ Tôn Nhơn khám xét, nếu như có quan ngại gì ắt không dám ghi vào Ngọc phổ, và ngày sách lập cũng là do Tôn Nhơn Phủ và văn võ đình thần cùng dâng biểu xin sớm lập ngôi trừ nhị [Thái tử] để định quốc bản. Lúc đó cụ nếu đã biết là không phải cơ sao không cáo giác việc này, chứ không cần phải nói. Sao cụ lại dám nói riêng với tôi, thì phép nước thế nào?”. Hồng Hàn nói: “Lão phu bình nhật vốn biết đại nhân đã có lượng bao dung cho dòng họ, nên nói cho biết”. Tôi đáp: “Hiện nay thánh thể không an, quan hệ đến gốc của nước, trong ngoài sâu não, cụ nói ra lời này có phương hại đến đại kế, cần sớm hối ngộ, thận trọng nói năng, nếu không thì dẫu là họ hàng [94], cụ không khỏi tự giăng lưới rước họa”. Hồng Hàn sợ hãi, cáo từ đi.



Trang 92 (trái), 93, quyển 4, kể lại buổi nói chuyện giữa tác giả với Hồng Hàn tại Nghệ An.

Ngày tháng 6, Khâm sứ đại thần lại ra Bắc, đi ngang qua, tôi đến thăm hỏi. Khâm sứ nói rằng: “Quan thầy thuốc hầu chẩn thì ngự mạch hư, không chịu bổ thuốc, chỉ dùng châm chích. Lại cùng Võ hộ giá [Bửu Trác] ngồi xe hơi đi để hít sinh khí trong không trung. Nhưng lại dùng nhiều phương thuật bổ dưỡng hơn là dùng thuốc. Còn Lương tôn cung<sup>(47)</sup> và nội đình chỉ sùng tín quỷ thần, ngày đêm cầu cúng, hương hoa không ngớt. Các người trong Hoàng phái thấy thánh thể suy nhược (như Ứng Huy, Ứng Chuẩn, Bửu Kiêm, Bửu Trác) nếu như dòm ngó được thì tư tưởng làm Hoàng đế, phao truyền nhiều lời dị nghị, bốn chức đã bác hết tất cả. Bốn chức đã trình quan Toàn quyền đại thần và [95] triều đình Pháp rằng hễ khi Hoàng đế Khải Định thiên thu vạn tuế sẽ tôn Hoàng thái tử Vĩnh Thụy kế đại thống, đã được triều đình Pháp phúc y.

<sup>47</sup> Lương tôn cung: cách gọi tôn kính hai bà Thánh Cung Nguyễn Thị Nhàn (1870-1935) và Tiên Cung Dương Thị Thục (1868-1944), là mẹ đích và mẹ ruột của vua Khải Định.

Tờ phúc văn này hiện cất tại tủ sắt ở Tòa Khâm sứ, đợi lâm thời tức tốc thi hành. Ba tháng nay, bốn chức thấy Hoàng thượng khá mệt nên rất lo bọn tiểu nhân thừa cơ làm loạn, phải đi khắp Nam Bắc xem xét tình hình, lại kiểm điểm triều chính, phòng từ khi nhỏ nhất, ngăn từ khi tạm thời, các việc khác chưa rảnh. Viện trưởng [Viện Cơ Mật] Nguyễn Hữu Bài mạnh thế lộng quyền, đại thần Hồ Đắc Trung dựa theo phụ họa, kinh doanh riêng trục lợi, dẫn dụ người gần, bày bố khắp trong ngoài, tổn hại dưới, bỏ ích trên, kết oán cho dân. Phạm Văn Thụ có chút lòng trung thành không chịu theo đảng ác. Các quan lớn khác như Võ Liêm, Trần Đình Bá thì phục tùng. Việc tham ô hủ lậu không thể nói xiết. Một mai gặp ấu quân bọn họ buông lung làm xằng [96] nên cần có bậc lão thành trung hậu để giúp qua thời gian nan, ắt phải một phen thay đổi”. Tôi nói rằng: “Quý đại thần là bạn thân tín của Hoàng đế Khải Định, Hoàng đế hiện đang mệt mỏi, xin lấy tình thân giúp đỡ, từ từ khuyên dụ. Nếu vội thay đổi sợ trong lúc ốm đau, nổi giận, thêm nhiều bất tiện”. Quan Khâm sứ nói: “Hiện nay chưa có thay đổi gì, mỗi khi đều ẩn nhẫn, xem xét trước sau. Bốn chức biết ngài là bề tôi thân tộc, có lòng ưu ái nhiệt thành nên thương lượng trước vậy”. Tôi nói: “Đại thần dự định Hoàng thái tử nối tiếp đại thống như thế thì xét lẽ trời tình người rất thỏa hợp, lại bảo tồn tình hữu nghị. Tôi cảm tạ khôn xiết trông mong”. Đại thần dùng cơm trưa xong liền đi ra Bắc. Sa-Tiên đại nhân nói kín với tôi rằng: “Khi nào tự quân lên ngôi, chính phủ bảo hộ ắt sẽ khởi phục Tôn Thất Hân làm Phụ chính, quyết không dám xem nhẹ phó cho Nguyễn Hữu Bài. Y là một [97] người rất gian hiểm”. Tôi nói: “Mệnh mạch của Nam triều hiện trông nhờ quý bảo hộ, xin quý quan thận trọng trù liệu thế nào có thể an ủi niềm trông mong của cả nước, thì thật may lắm. Tôi chỉ cầu mong Hoàng đế sớm lành, tinh thần hưng vượng, cho tôi được vào hầu tận mặt để tâu về việc chính trị đặc thất, khỏi bị quyền gian mê hoặc dối trá, mới được thư lòng”. Quan Công sứ dặn tôi an thường bình tĩnh chờ đợi.

Ngày tháng 8, nghe Võ hộ giá Bửu Trác mưu đồ tiếm vị. Quan Khâm sứ đại thần bắt được tang chứng mưu gian, nên hội thương giao Viện Cơ Mật giải chức tra xét. Án sát Quảng Nam là Ứng Chuẩn, cựu Tuần vũ Hồng Hàn đều bị bắt thẩm vấn. Bố chánh bốn tỉnh là Nguyễn Đình Tiến cũng bị liên can. Hội đồng tư hỏi y rất sợ hãi. Tôi đã biện bạch nên được giải. Viện đề nghị Bửu Trác cải theo họ mẹ, tội khổ sai chung thân [98], đày đi Lao Bảo giam giữ. Ứng Chuẩn mang nguyên hàm về hưu. Hồng Hàn miễn nghị.<sup>(48)</sup>

Trung tuần tháng 9 nghe bệnh Hoàng đế rất nặng. Ngày 20<sup>(49)</sup> nhận tin điện của Viện Cơ Mật báo Hoàng đế thăng hà (Công sứ nhận điện văn đến báo), tôi kêu trời khóc lớn bàn Tòa sứ điện xin vào. Lại nhân được phúc rằng: Quan Khâm sứ đại thần bàn với Viện Cơ Mật đợi đến ngày ninh lăng [đưa đi an táng] sẽ cho về. Tôi ôm hận khó tỏ bày, khóc không ngừng. Rạng sáng hôm sau quan Công sứ đem theo quan bác sĩ đến thăm an ủi. Quan Công sứ nói rằng: “Thiểm chức chưa thấy người nào yêu vua như quan lớn, sao lại thống thiết

<sup>48</sup> Vụ án của Bửu Trác (cháu nội vua Hiệp Hòa) có chép trong *Thực lục Đế thất kỷ*, Sdd, tr. 520.

<sup>49</sup> Vua Khải Định băng hà ngày 20 tháng 9 năm Ất Sửu (6/11/1925).

như thế?”. Tôi nói: “Tôi yêu vua có hạn mà yêu nước vô cùng. Vả lại nước tôi nhiều lần bị cái nạn vua trẻ nước nguy. Từ khi được quý bảo hộ có lòng đề huề nhưng nước tôi vẫn chưa thấy khởi sắc [99]. Hoàng đế Khải Định lên ngôi, tuổi lớn học rộng, có lòng yêu người, tha thứ cho người, năm năm về trước đã gắng lo trị nước, thần dân có niềm trông mong lớn. Hai ba năm gần đây do bị bệnh chỉ nắm quyền đại khái còn giao phó người khác, không thể chu đáo. Chính sự mới có chút sai sót. Gần đây đã giác ngộ, sắc hởi bề tôi trực và hởi bề tôi trong ngoài, muốn rõ nguyên do để lo tốt đẹp về sau. Vận nước sắp có ngày đổi thay tiến bộ. Nay lại thăng hà, ý tốt không thể bày tỏ, ắt không khỏi tiếng xấu quy về người chết, bọn gian tà thực hiện âm mưu, làm phương hại đến vận nước. Tôi biết tình hình này mà không thể bỏ cứu, nên tôi đau xót vậy”. Quan Công sứ và quan bác sĩ nhìn nhau im lặng, lát sau nói với tôi rằng [100]: “Có tư tưởng lớn như vậy, hôm nay còn nhiều việc, đợi gặp thời thi hành chính sự, sẽ đem hết điều ô mị giúp cho thái bình. Lúc này quyền bính không ở trong tay, chưa thể quá lo âu, cần phải tự bảo trọng để đợi cơ hội. Chính phủ bảo hộ đã dự liệu trước, cũng không có trở ngại”.

Chiều ngày 22, quan Toàn quyền đại thần Mông-Ghi-Dô<sup>(50)</sup> từ kinh trở về Hà Nội, ngang qua Vinh [Vinh]. Tôi nhận được điện của Viện Cơ Mật ủy tôi mang áo khăn đen đến yết kiến. Quan Toàn quyền đại thần nói rằng: “Hoàng đế thăng hà, bốn chức đã thương cùng Nam triều tôn Đông cung Hoàng thái tử làm vua nối ngôi, đã điện sang nước Pháp mời xa giá trở về, đợi về đến sẽ [101] cử hành đại lễ tấn tôn. Nay đã khởi phục quan Văn Minh Điện Đại học sĩ trí chính Tôn Thất Hân sung Phụ chính thân thần đại biểu cho quân quyền chủ trương các việc điển lễ, còn các quan đại thần Viện Cơ Mật y như cũ, và thương với quan đại thần Tòa Khâm sứ thi hành các công vụ để lập hội đồng ký kết tân ước<sup>(51)</sup> và ban lục khắp cho các quan Tổng đốc hãy thương cùng quý Công sứ làm việc hành chính như thường, hiểu thị cho nhân dân an cư lạc nghiệp để cùng hưởng phúc hòa bình”.

Đưa tiễn quan Toàn quyền xong, tôi thương định ngày 23 họp các phủ huyện và các hữu quan và người Hoàng phái ngụ trong tỉnh cùng với các nhân viên Tòa sứ có phẩm hàm đều mặc tang phục đúng 5 giờ sáng ngày 24 [102] làm lễ vọng bái tại dinh Tổng đốc, làm lễ thành phục và tư cho Bộ Lễ biết.

Tôi có mật thư trình với quan Phụ chánh thân thần xin ngài vì thể thống nước nhà, sức xuống các quan thương cùng quý quan bảo hộ thân người hiền, xa kẻ gian, thận trọng hình phạt, đôn đốc phong hóa, trừ các tệ tham ô, lừa dối, lười biếng. Mọi việc đều bảo tồn đại thể, đừng làm các ơn huệ nhỏ vì ơn riêng,

<sup>50</sup> Túc Maurice Antoine François Monguillot, người từng 3 lần giữ chức quyền Toàn quyền Đông Dương (5/1919-2/1920; 4/1925-11/1925; 1/1928-8/1928).

<sup>51</sup> *Đại Nam thực lục* gọi là hiệp ước hiến pháp mới, ban hành ngày 6/11/1925 (sau này còn gọi là hiệp ước Monguillot). Xem *Thực lục Đế thất kỷ*, Sđd, tr. 526-533. Hiệp ước này, về mặt danh nghĩa là “bước đầu tiên để tổ chức chế độ quân chủ lập hiến trong tương lai” (Sđd, tr. 532), nhưng trên thực tế là nhằm tước hết những quyền lực cuối cùng của Nam triều, vua chỉ còn tước vị tượng trưng, triều đình chỉ lo việc điển lễ, tiền chi tiêu của triều đình do Pháp cấp qua ngân sách Trung Kỳ...

trên thì làm thầy của vua nối ngôi, dưới thì làm gương mẫu cho sĩ phu thì may cho Hoàng phái và may mắn cho quốc gia xã hội. Lại lược kê các quan bốn triều và các người làm việc cho bảo hộ, ai là người đáng thân tín, ai là người không thể dùng lầm, nêu rõ danh tính. Nhận được thư này, ngài Thân thần gọi con trai tôi là Đỗ đến dặn rằng: “Mày viết thư cho bố mày bảo về mà làm [103], tao già rồi không làm được”. Cháu Đỗ gởi thư đến, tôi ngạc nhiên không hiểu ý của chú.

Tôi bàn với tỉnh đường lo sắm trầm hương, đèn sáp vàng chuẩn bị về kinh làm lễ dâng hương.

Thượng tuần tháng 11 nhận được điện của Viện Cơ Mật nói rằng tự quân đã về đến, ngọc thể khang an, đã bàn định ngày 15 tháng này làm lễ tấn tôn. Tôi và các quan tỉnh điện về xin vào ngày an táng sẽ tụ tập các quan thiết triều nghị tại hành cung để làm lễ vọng bái.

Hạ tuần tháng 11, được Bộ Lễ thông tư về ngày ninh lăng, Khâm Thiên Giám đã chọn được ngày mồng 10 tháng 12. Tôi dâng phiến và tư cho Viện Cơ Mật xin trở về kinh để vào ngày mồng 1 tháng 12 làm lễ dâng hương, xong ở lại đợi đến ngày kính vâng dự lễ đưa tang.

Lại nhận được phúc hện ngày mồng 6 các tỉnh Trung Kỳ và khâm phái ở Bắc Kỳ cùng làm lễ dâng hương, ngày mồng 3 hoặc mồng 4 sẽ về kinh cho tiện.

Ngày mồng 4 tôi về đến kinh quá muộn. Cổng thành đã đóng, nhân có hứu quan Nguyễn Đức Lý và hai nhân viên của tỉnh nên cùng dẫn nhau đi ăn cơm tối, xong [104] tôi đến nhà riêng cụ Thân thần thăm viếng, trước hết hỏi thăm về Hoàng thượng và Lương tôn cung sức khỏe thế nào, và hỏi về chuyện vừa qua cụ bảo cháu Đỗ gởi thư ra cho tôi là ý thế nào. Nghe cụ dạy rằng: “Thiếu bất tài lại già nua mỗi một thế mà quý bảo hộ bắt làm, chỉ giao việc phụng hành các điển lễ mà thôi, còn việc nước thì đã có các đại thần Viện Cơ Mật làm, thiếu không dự vào”. Tôi nói: “Điển lễ là thể của việc nước, quốc sự là dụng của điển lễ. Quốc sự đều được ghi trong hội điển, hành điển lễ tức là nắm quyền trong nước vậy. Chú tuổi cao đức lớn, nối tiếp dòng dõi, gồm đủ cả ba điều cao quý, tiên Hoàng đế đã từng ban dụ chú trọng biệt đãi. Việc đại lễ Nam Giao chú cần trù liệu. Nay gặp lúc nước nhà ít nhiều nguy ngập, quý bảo hộ đã triệu chú ủy cho chức lớn, mong rằng thánh ý cũng muốn như vậy. Đã lo kế cho miếu xã sinh linh, chú thống lãnh quốc quyền [105], kiểm xét điển lễ. Việc hợp điển lễ thì thuận cho thi hành, không hợp điển lễ thì cấm chỉ, việc nước đang ở trong tay vậy”. Thân thần nói rằng: “Ông trở về mà làm”. Tôi nói: “Cháu là hậu bối, tuổi còn thấp, chưa được gánh địa vị, nhưng tuân thủ gia giáo, bảo tồn lương tâm, cùng vui với đất nước, lạm dự vào Hoàng phái, đối với nước cũng như nhà, có nỗi uất ức ở trong lòng nên bộc trực phát ra bên ngoài. Huống cháu lấy lễ thờ vua, thờ cha để thờ chú, có phạm gì cũng không che giấu. Nước ta khổ vì nạn quyền thần làm loạn chính trị, dân không kham mệnh, nhiều lượt sinh ra biến cố. Quý bảo hộ tuy muốn khai hóa mà chưa có người trung thành hợp tác để thay tề trừ gian. Chỉ vì ngôn ngữ bất đồng, tình thế chưa hiểu, mỗi khi lấy kế

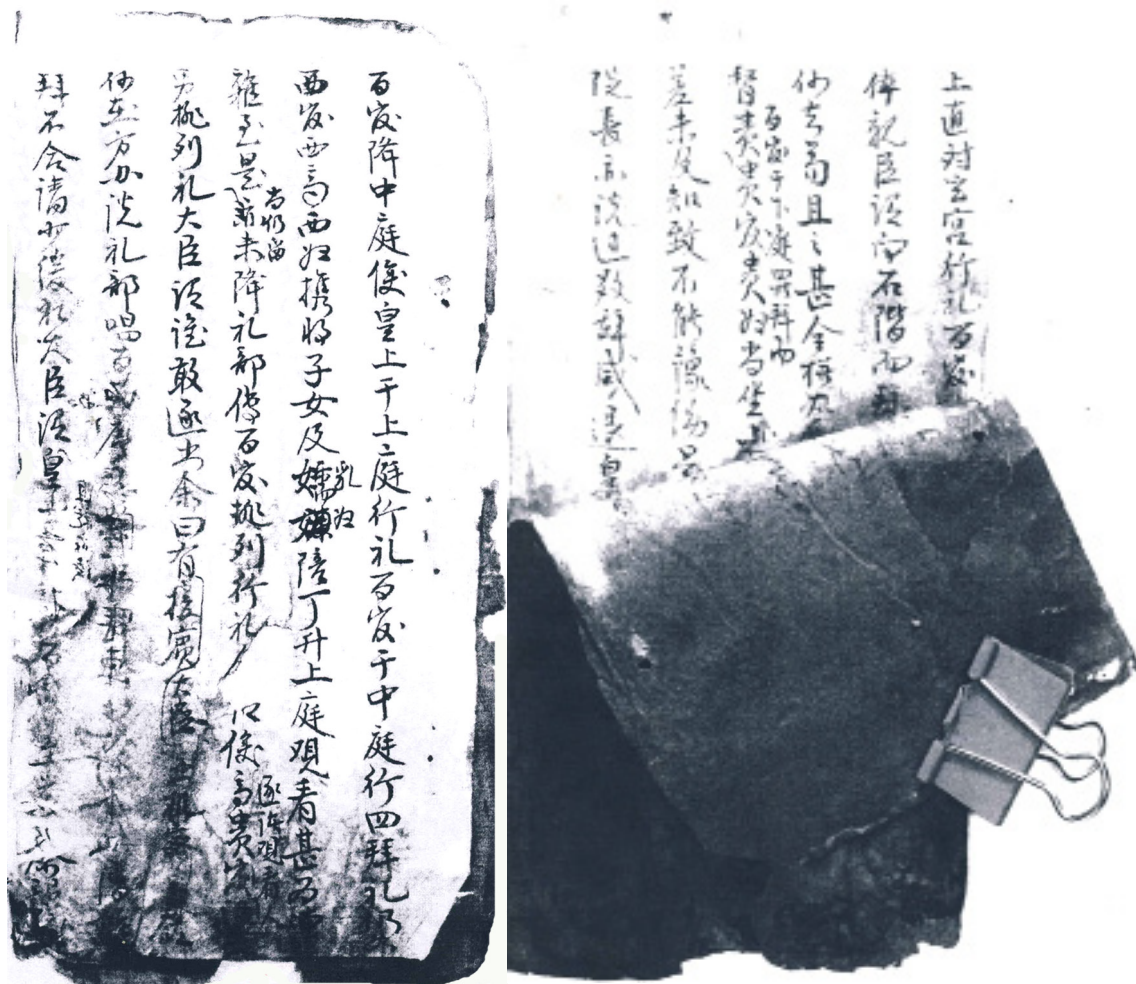
thuật mà coi rẻ mưu hay [106], mưu định chính sách tốt đẹp mà lại trở thành chính sách hà khắc, thậm chí đối với vua cũng còn che lấp thông minh, cho đến việc phi lý cũng chuyên lộng oai phúc. Quý bảo hộ không muốn tín nhiệm, sinh ra oán, làm việc cầu thả. Cho nên tư gia được thỏa mãn dục vọng mà công chúng không được hưởng thái bình. Người có lòng với thế đạo đều than thở. Cháu và Công sứ Nghệ An Sa-Tiên [Châtel] cộng sự hai năm nay, phạm công việc thì lấy lòng nhiệt thành giao thiệp, quý Công sứ chưa từng thuận theo tình riêng mà phớt bỏ công lý. Một hạt Nghệ An may được tạm yên, nếu như mỗi việc đều được triều đình tán thành, thì cũng có hy vọng tiến bộ ở tương lai. Gần đây quý Khâm sứ đại thần Bát-Kê [Pasquier] đi ngang qua tòa sứ Vinh [Vinh], cháu nhiều lần được hầu chuyện, quý Khâm sứ nói rằng ba năm nay chính sự có nhiều điều bất như ý chỉ vì các lễ đã nói ở trên. Quý Khâm sứ muốn thay đổi một phen để đạt được mục đích [107] bảo hộ. Cháu đã gửi thư lên cho chú phần nhiều cũng vì ý này, nhưng kẻ ngu bày tỏ nghìn lo lắng ắt cũng chỉ được một, xin chú chọn lấy mà thi hành. Mùa xuân năm nay tiên hoàng đế nhân tai ương đã sắc hỏi bề tôi trực rằng chính sự có gì sai lầm thất thổ. Bề tôi trực đã phiền phúc không rõ, lại được châu phê hỏi các quan trong ngoài. Cháu đã dâng sớ nhận lỗi và trình bày việc sơ hở của chính sự, bị Bộ Lại ngăn cản không được dâng lên, cũng xin chú sức soạn tìm xem qua cho cháu bớt uất ức”.

Thân thần cứ một mực thoái thác cho là rất khó. Việc trả lời này cũng do lẩn tránh hiềm nghi. Tôi lui về. Ngày hôm sau vào nội gửi tâu xin đến điện Càn Thành lạy tiên đế dâng cúng [108]. Khi vào điện Kiến Trung yết kiến được chấp thuận. Việc bái kiến xong, tôi đến Lễ Bộ Đường sao chép nghị chú, lại đến Hình Bộ Đường ngủ lại. Hình Bộ đại thần là Trần Đình Bá kể rằng: “Phụ chánh thân thần đại biểu cho quân quyền, đại thần Bộ Lễ, Bộ Lại đều không vui. Việc hội thương lập tân ước bị quan lớn Bộ Lại phản đối không thuận ký. Quan Toàn quyền đại thần cho hạn trong 15 phút phải ký công ước này. Quan lớn Bộ Lễ ký trước. Cụ Thân thần và kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ đại thần thuận ký. Quan lớn Bộ Lại đòi sửa đổi Hội Tư vấn thành Viện Đại biểu nhân dân, mở rộng thêm quyền hạn của hội viên, chính phủ bảo hộ thuận ý, nhờ thế mới ký xong. Ba tháng nay Viện Cơ Mật và Phụ chánh thân thần tựa như có mâu thuẫn”. Tôi hỏi vì nguyên cớ gì. Quan lớn Bộ Hình nói: “Thân thần muốn dự tri chính sự, nhưng Viện trưởng nói [109] rằng ngài chỉ đại biểu cho điển lễ tế tự mà thôi”. Tôi nghĩ nên có biện giải.

Ngày mồng 6 làm lễ dâng hương xong. Buổi chiều tôi được Thân thần sai người mời về nhà riêng dự cơm tối. Tôi xin đình bỏ. Đến khi trở về thấy 3 vị quan lớn Bộ Hình, Bộ Hộ và Tôn Nhân Phủ cùng các đại biểu thủ hiến của Trung, Bắc Kỳ tề tựu. Tôi nói: “Tiên đế chưa an táng, chúng ta đã hội họp yến ẩm thì lòng có yên không?”. Cụ Thân thần nói: “Chỉ là cơm thường không phải là tiệc tùng gì”. Hoàng Trọng Phu nói: “Cư tang thì không ăn sao?”. Tôi trả lời: “Ăn cơm thường thì không thể bỏ, nhưng ăn cơm thường chỉ hai ba người trong gia đình với cơm rau để chống đói. Nay thì đông đủ quý khách, dọn đủ rượu đồ nhắm như yến tiệc thì thật bất tiện” [110]. Cụ Thân thần nổi giận, to tiếng

quát nạt. Cụ Thượng Hộ nói: “Quan Tổng đốc Nghệ An nệ về cổ lễ, xin đừng nói nhiều”. Cụ Tôn nơn nói: “Quan Tổng đốc Nghệ An là hàng cháu [cháu chú bác] sao dám có lời chống cự Thân thần, xin hãy đánh roi trừng trị”. Tôi nói: “Nhà có người con trung trực, triều đình có bề tôi can ngăn, quan lớn và các vị thân thích không khen được một lời lại còn nói lời xu nịnh với cụ Thân thần thì có gì bổ ích cho quốc gia. Quan lớn không nhớ chuyện trời người quan can gián mà mất nước sao? Muốn dẫm lên vết xe cũ sao?”. Mọi người đều im lặng. Tôi cáo từ, không dự, trở về.

Hôm sau tôi thuê xe lên cung Thiên Định [lăng Khải Định] kính xem, chiều trở về sở tang nghi kính xem. Giữa đường nghe người bàn luận rằng việc nước đều trừ trừ cầu thả. Tôi vào Hộ Bộ Đường dặn dò nhờ uốn nắn<sup>(52)</sup> khuyết điểm của cụ Thân thần [111]. Cụ Thượng Hộ từ chối vì già, bệnh tật, tài đức lại không bằng cụ Thân thần, không dám đường đột. Tôi bèn đến gặp Tham tri Bộ Lại Phạm Liệu trách rằng: “Ngày thường ôm ấp đợi tới lúc thi thố. Cụ



Trang 112 (trái), 113, quyển 4, quang cảnh lộn xộn tại lễ tang của vua Khải Định.

<sup>52</sup> Nguyên văn “cứu chính”.

Thân thần xem anh như là cao đệ, anh không từng lấy đức báo đáp, chỉ a dua theo, chẳng phụ với tiên đế sao? Đệ nghe việc làm của cụ Thân thần có chỗ bất hợp lẽ, sợ phượng hại đến danh vọng của cụ, đệ quyết can ngăn, anh cho là như thế nào?”. Phạm Liệu nói: “Cụ Thân thần đãi chúng ta như quốc sĩ, chúng ta phải lấy quốc sĩ đãi ngộ thân thần, đệ cũng đã nhân dịp bốc thuốc mà chưa thấy công hiệu. Chúng ta phải từ từ mưu tính”. Tôi nói: “Cứ như thế mà làm”.

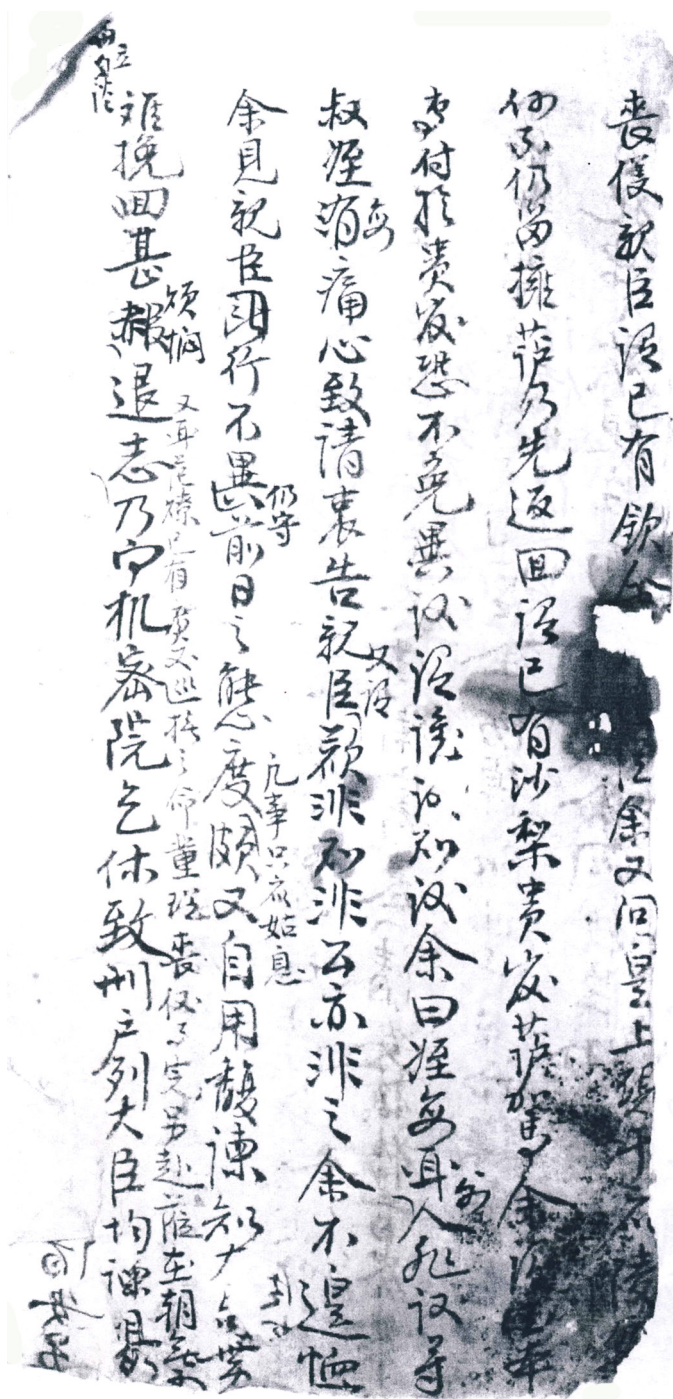
Đến ngày cử hành tang lễ [112], các quan sắp hàng ở sân giữa đội Hoàng thượng hành lễ ở sân trên, bách quan làm lễ tứ bái ở sân giữa, nhưng các quan Tây, nhà buôn Tây, phụ nữ Tây dắt con cái và vú em, thẳng bồi đều lên sân trên đứng xem rất lộn xộn. Bộ Lễ truyền bách quan sắp hàng hành lễ. Tôi nói đội bàn với quý quan đuổi các người đi xem ra rồi sẽ sắp hàng. Cụ Thượng Lễ nói: “Ai dám đuổi?”. Tôi nói: Có cụ lớn tiếp tân và quan Thương tá Viện Cơ Mật [là Nguyễn Đăng Tam]. Trong lúc đang trao đổi thì Bộ Lễ xướng: “Các quan đứng trật tự, cúc cung bái”. Tôi nói: “Ở sân trên lộn xộn như thế mà cúc cung bái là không hợp, xin đợi một chút”. Quan Thượng Lễ nói: “Hoàng thượng đã hành lễ, các quan không thể hoãn”. Tôi nói: “Hoàng thượng [113] đứng trước linh cữu làm lễ, bách quan thì có các vú em ngồi ở sân trên, mà đứng lạy ở dưới thì là lạy ai? Còn gì là thể thống nữa!”. Cụ Thân thần nói: “Hướng về bậc thềm đá mà lạy”. Rồi dẫn các quan ra lạy. Tôi đứng không lạy mà kêu to: “Trời ơi! Trời ơi! Sao lại cầu thả quá vậy”. Quan Toàn quyền nghe tiếng la khóc, hỏi có chuyện gì? Có người thuật lại: “Tổng đốc Nghệ An phản nản rằng các quan lạy ở sân dưới mà ở sân trên lại có các quan Tây bà đầm ngồi xem, nên ông bất bình kêu khóc”. Quan Toàn quyền nói: “Tôi không được biết nên không ra lệnh, đó là lỗi của tôi”. Rồi ngài xin lỗi cụ Thân thần. Viện trưởng Viện Cơ Mật cũng nói qua vài lời, rồi đều rút lui... [mất chữ] [114].

Quan Thương tá Viện Cơ Mật Nguyễn Đăng Tam mặc áo gấm chấp hành lệnh, tiễn Hoàng thượng đến cửa Hiển Nhơn. Cụ Thân thần lên xe hơi đi theo sau linh cữu. Tôi dặn Tuần vũ Thuận Khánh Tôn Thất Tế, Tổng đốc Thanh Hóa Ứng Dinh hãy cứ đi bộ theo sau mới hợp lễ của tôi con. Cụ Thượng Lại nghe tôi nói cũng cùng các quan tỉnh khác đi bộ theo. Đến đàn Nam Giao, tôi bỗng nhiên kính cẩn. Đêm ấy tang nghi dừng tại nhà tạm ở làng Kim Sơn.<sup>(53)</sup> Tôi cũng trú đêm quanh quần ở đó để hầu. Sáng sớm hôm sau lại theo tang nghi đến Ứng Lăng. Các quan tỉnh đều đưa tang đến lúc an táng xong xuôi.

[115] Lúc ăn trưa tôi hẹn với các quan tỉnh vào 3 giờ chiều tề tựu ở nhà giải vũ bên trái [Ứng Lăng] để gửi tâu thỉnh an, rồi lui ra. Đúng giờ tôi đến nơi không thấy một người nào, bèn đi quanh để tìm cho đến nơi các quan cư trú mới gặp Thân binh Đô thống Nguyễn Hữu Tiễn, Quản lý thị vệ Nguyễn Văn Hiền, hỏi ra mới biết các quan lạy xong đều trở về. Chỉ có ngài Sa<sup>(54)</sup> và các nội

<sup>53</sup> Nguyên là ấp Kim Long, sau đổi thành Kim Sơn, tổng Cư Chánh, nay thuộc xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

<sup>54</sup> Túc Jean Françoise Eugène Charles, từng giữ chức Khâm sứ Trung Kỳ từ 1913-1920, quyền Toàn quyền Đông Dương từ 5/1915-1/1917, là người được vua Khải Định ủy thác đưa Hoàng thái tử Vĩnh Thụy sang Pháp du học.



Trang cuối (trang 116), quyển 4, Lạc Viên tiểu sử.

[Hết quyển 4]

thần còn ở lại hộ giá. Tôi nhờ thị vệ gọi lời tâu thỉnh an. Rồi được chỉ truyền trả lời: “An”. Tôi xuống thuyền. Đến 4 giờ chiều thì ngự giá hồi cung. Tôi bèn sức cho chèo thuyền trở về.

Hôm sau tôi đến thăm cụ Thân thần, tỏ bày về việc can ngăn hôm qua. Thấy cụ Thân thần vui vẻ, tôi hỏi cụ sao không ngồi xe tay để theo [116] tang nghi. Cụ nói đã có quan Khâm sứ theo rồi. Tôi lại hỏi Hoàng thượng ăn trưa tại Ứng Lăng, sao không theo phò mà trở về trước. Cụ bảo: Đã có ông Sa [Charles] và các quan Tây hộ giá. Tôi lại nói: Sao lại phó chuyện này cho các quan Tây, sợ không khỏi dị nghị. Cụ bảo: Ai dị nghị thì cứ dị nghị. Tôi nói: Mỗi khi cháu nghe người ngoài dị nghị về chú, cháu đều đau lòng, nên xin nói thẳng với chú. Cụ Thân thần nói: Muốn trái thì trái, ông cũng cho là trái, tôi cũng chẳng sợ gì. Tôi thấy cụ Thân thần vẫn giữ thái độ như cũ, làm việc chỉ căng thẳng không thích can ngăn, mới biết là thế của đại cuộc thật khó văn hồi, tôi phiên muộn thoái chí. Lại nghe Phạm Liệu lại được cử làm Tuần vũ Quảng Ngãi, đôn đốc việc tang xong sẽ trở về lý sở. Bèn trình với Viện Cơ Mật xin hưu trí. Hai vị đại thần Bộ Hình, Bộ Hộ đều can ngăn.